

ĐẠI SƯ ẮN QUANG

ẮN QUANG ĐẠI SƯ PHÁP NGŨ

Tác giả: Đại Sư Ắn Quang

Việt dịch: Liên Hương

Theo bản in của Hoa Tạng Tịnh Tông Học Hội Đài Loan

ÁN QUANG ĐẠI SƯ PHÁP NGŨ

(Giảng tại Pháp Hội Hộ Quốc Tức Tai tại Thượng Hải - 1936)

I. NGÀY THỨ NHẤT

* NIỆM PHẬT, ĂN CHAY LÀ CĂN BẢN ĐỂ HỘ QUỐC TỨC TAI

Án Quang vốn là một ông Tăng tầm thường, vô tri, vô thức, chỉ biết đến cơm cháo, chỉ biết niệm Phật dăm câu, tuy sống uông quang âm hơn bảy mươi năm, nhưng thực chưa hề triệt để nghiên cứu Phật pháp. Pháp Hội Hộ Quốc Tức Tai lần này, các vị kéo nài tham gia, chẳng từ khước được. Và lại, đây là chuyện quan hệ đến phước lợi quốc gia mà cũng là trách nhiệm tôi phải tận lực nên tôi chẳng nề mình giản lậu, đến dự Pháp Hội này. Điều tôi giảng hôm nay chẳng phải là lý luận cao sâu gì, chỉ là thuật lại phương pháp căn bản để “tức tai hộ quốc”. Còn về yếu nghĩa của Pháp Hội lần này, ngày mai sẽ bàn đến.

Mục đích của Pháp Hội lần này là hộ quốc tức tai. Làm sao để đạt được mục đích đó? Tôi cho rằng phương pháp căn bản là Niệm Phật bởi vì sát kiếp và hết thảy tai nạn đều do ác nghiệp của chúng sanh chiêu cảm. Nếu tất cả mọi người đều niệm Phật thì nghiệp này sẽ xoay chuyển được. Nếu chỉ có một ít người niệm Phật thì nghiệp ấy cũng có thể giảm khinh. Pháp môn Niệm Phật tuy là vì cầu sanh Tịnh Độ, liễu thoát sanh

tử mà lập ra, nhưng sức tiêu trừ nghiệp chướng của nó thật cũng cực kỳ lớn lao.

Người chân chánh niệm Phật trước hết ắt phải ngăn tà, giữ lòng thành, giữ vẹn đạo nghĩa, tận hết bốn phận, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Cần nhất là phải hiểu rõ nhân quả, tự hành, dạy người hành. Hiện tại không có bậc Thánh để gần gũi, bao tà thuyết tàn hại nhân nghĩa đều là do bọn Tống Nho bài bác nhân quả - luân hồi đến nỗi sanh ra ác quả này. Nếu như ai cũng hiểu rõ lý nhân quả thì chẳng một ai dám xướng lên những thuyết sai lầm ấy cả.

Trong thế gian, người tốt hoàn toàn chẳng biến cải rất ít, kẻ xấu hoàn toàn chẳng biến cải cũng rất ít; đa số là kẻ lúc thượng, lúc hạ, khi tốt, khi xấu, cho nên giáo hóa là điều tối khẩn yếu vậy. Không Tử nói: “Chỉ bậc thượng trí và kẻ hạ ngu là chẳng thay đổi”. Chỉ cần ra sức giáo hóa thì không một ai là chẳng thể khiến họ cải ác quy thiện, buông dao đồ tể, lập địa thành Phật. Chỉ là do nơi con người tin tưởng, tận lực mà hành thôi.

Ngày nay xã hội Trung Quốc sở dĩ loạn lạc đến như thế này chính là do không được giáo hóa; nhưng giáo hóa phải bắt đầu từ lúc còn nhỏ, như hay nói: “Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về”. Nếu lúc nhỏ chẳng dạy, đến lúc lớn khó lòng lay chuyển. Vì sao? Tập tánh đã thành, không cách chi thay đổi được. Vì thế, người niệm Phật cần phải chú ý giáo dục con cái mình trở thành người tốt, giữ tấm lòng tốt,

nói lời tốt, làm việc tốt. Nếu ai cũng làm được như thế thì tai nạn tự tiêu, quốc gia cũng giữ được bình trị dài lâu.

Chân lý mầu nhiệm căn bản của pháp môn Niệm Phật nằm trong ba Kinh Tịnh Độ. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên của Kinh Hoa Nghiêm đã chỉ rõ: Niệm Phật chính là căn bản chẳng thể thiếu khuyết của hạnh nguyện. Vì Thiện Tài đã viên mãn tâm Thập Tín, tham học với Đức Vân Tỳ Kheo, được Ngài dạy cho pháp môn Niệm Phật, liền nhập vào Sơ Trụ, phân chứng Phật Quả. Từ đây, ông tham học với hơn năm mươi vị thiện tri thức, hễ nghe xong liền chứng, từ Nhị Trụ đạt đến Thập Địa là bốn mươi địa vị. Tới hậu, ở chỗ Phổ Hiền Bồ Tát, được nghe Ngài khai thị, được sức oai thần gia bị, sở chứng ngang với Ngài Phổ Hiền, ngang với chư Phật, liền thành Đẳng Giác Bồ Tát. Sau đó, Phổ Hiền Bồ Tát dùng Mười đại nguyện vương dẫn dắt quy hướng Cực Lạc, khuyến khích, cổ vũ Thiện Tài và Hoa Nghiêm hải chúng nhất trí tinh tấn hành trì, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới hầu mong viên mãn Phật Quả.

Vì thế, biết rằng: Pháp môn Niệm Phật, tự phạm phu thuở ban đầu cũng có thể chứng nhập được, mà rốt cục, bậc Đẳng Giác cũng chẳng thể vượt ra ngoài nổi. Thật là pháp môn Tổng Trì trên thành Phật đạo, dưới giáo hóa chúng sanh, thành thi, thành chung của mười phương tam thế hết thấy chư Phật. Vì thế, pháp môn này được cứu giới đồng quy, mười phương chung tán thán, ngàn Kinh cùng xiển dương, vạn luận đều tuyên thuyết.

Phàm là người học Phật thì có một việc bắt buộc phải chú ý là rất cần kiêng ăn mặn vì ăn mặn sẽ tăng trưởng sát cơ. Con người cùng hết thấy động vật cùng sanh trong vòng trời đất, tâm tánh vốn là bình đẳng, chỉ vì ác nghiệp nhân duyên đến nỗi hình thể sai khác quá xa. Nếu đời này quý vị ăn thịt chúng nó, đời mai sau chúng nó sẽ ăn thịt quý vị. Oan oan tương báo, đời đời sát cơ chẳng có lúc nào kết thúc. Nếu như ai ai cũng ăn chay được thì sẽ bồi dưỡng tâm từ bi của chính mình, tránh khỏi sát cơ. Nếu không, dù cho niệm Phật, nhưng chỉ lo sướng miệng, vui bụng, ăn đầy thức tanh hôi, có được lợi ích mấy nhờ học Phật đâu!

Hơn nữa, người đời nay ưa nói Thiên Tịnh Song Tu. Xét đến cùng cái gọi là Song Tu đó chỉ là khán câu “người niệm Phật là ai?” Đây là chú trọng tham cứu, chẳng ăn nhập gì đến việc sanh Tín, phát nguyện cầu sanh của Tịnh Độ cả! Thêm nữa, Thiên Tông nói: “Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật” là nói đến đương nhân đích thân thấy được tâm nay vốn sẵn đủ Phật tánh. Mật Tông nói: “Ngay thân này thành Phật” (tức thân thành Phật) tức là ngay thân này được giải thoát sanh tử thì đó là “thành Phật”. Nếu vội hiểu những lời đó có nghĩa là ngay nơi chính thân này có thể thành tựu được vạn đức đầy đủ, phước huệ viên mãn thì lầm to, lầm to rồi!

Bởi lẽ, “kiến tánh thành Phật” của Thiên Gia là sở chứng của địa vị đại triệt, đại ngộ, phải đoạn được Kiến Hoặc và Tư Hoặc trong tam giới mới có thể liễu sanh thoát tử. “Tức thân thành Phật” của Mật Tông chỉ là nói về địa vị mới liễu thoát sanh tử mà thôi. Địa vị đó là bậc A La Hán

trong Tiểu Thừa đã liễu sanh tử, bậc Sơ Tín trong Viên Giáo đã đoạn Kiến Hoặc, bậc Thất Tín đoạn Tư Hoặc rồi mới liễu xong sanh tử. Bậc Thất Tín và A La Hán tuy cùng liễu sanh tử nhưng thần thông, đạo lực khác xa nhau vời vợi. Bát Tín, Cửu Tín, Thập Tín phá được Trần Sa Hoặc, cho đến Thập Tín Hậu Tâm phá một phẩm Vô Minh, chứng một phẩm Tam Đức bí tạng, nhập vào Sơ Trụ, thành bậc Pháp Thân Đại Sĩ. Trải qua Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác là bốn mươi địa vị rồi mới chứng nhập Phật vị. Lịch trình lâu xa như thế đó, làm sao mà một bước vọt đến nơi ngay được?

Người tu Tịnh Độ đã sanh về Tây Phương liền liễu sanh tử thì cũng là “tức thân thành Phật”, nhưng Tịnh Tông chẳng nêu cái thuyết tiếm phận ấy. Dem so với việc thuận cây vào tự lực của nhà Thiên thì sự khó dễ thật là sai khác một trời một vực. Kính mong các vị dự hội suy nghĩ chín chắn điều này.

II. NGÀY THỨ HAI

*** BÀN VỀ NHÂN QUẢ BÁO ỨNG VÀ SỰ GIÁO DỤC TRONG GIA ĐÌNH**

Ngày hôm qua giảng về pháp môn Tịnh Độ, hôm nay giảng về ý nghĩa của Pháp Hội Hộ Quốc Tức Tai. Muốn nói đến “hộ quốc tức tai” thì trước hết phải biết là “hộ quốc” (giữ gìn đất nước) như thế nào? “Tức tai” (dứt trừ tai nạn) như thế nào?

Tôi cho rằng muốn đạt đến mục đích ấy, có hai biện pháp: Một là lâm thời, hai là bình thời. Nếu lúc bình thời có thể ăn chay niệm Phật để cầu hộ quốc tức tai thì thật là có công đức vô hạn; mà lúc lâm thời, dốc lòng thành kính cầu nguyện giữ yên đất nước, dứt bật tai nạn cũng có hiệu lực tương đương; nhưng vẫn chẳng bằng lúc bình thời mọi người hộ quốc tức tai thì hay hơn. Bởi lẽ, nếu bình thời đại chúng ăn chay niệm Phật, do nguyện lực tiếp nối nên tà khí tiêu trừ, chánh khí tăng trưởng, ai nấy giữ tâm lòng tốt, nói lời tốt, làm việc tốt thì tự nhiên quốc gia được giữ vững, tai họa chẳng khởi vậy.

Sách xưa có ghi: “Thánh Nhân chẳng trị lúc đã bệnh, trị lúc chưa bệnh; chẳng trị lúc đã loạn, trị từ lúc chưa loạn”. Bởi lẽ, đã loạn thì trị khó bình, trị từ lúc chưa loạn thì dễ an. Trị quốc giống như trị bệnh, có cách trị nơi ngọn, có cách trị nơi gốc. Trị bệnh là trị khi đã loạn. Bệnh đã phát thì tìm lấy cách trị có hiệu quả nhanh chóng, chẳng được không đau đầu lại trị bệnh đầu, đau chân thì chữa nơi chân, trị cái ngọn (triệu chứng) trước. Cái ngọn đã lành, sau đấy mới trị cái gốc khiến cho khí huyết lưu thông điều hòa, khỏe khoắn, sáng khoái. Gốc đã mạnh khỏe thì tự nhiên tinh thần phấn chấn, khả dĩ hăng hái ra sức.

Hiện thời, quốc gia nguy nan như thể ngàn cân treo sợi tóc. Tôi cho rằng hiện tại muốn bàn đến chuyện trị quốc thì phải trị cả ngọn lẫn gốc cùng lúc. Cách kiêm trị không chỉ tốt hơn là trước hết phải niệm Phật, tận lực làm lành, kiêng giết chóc, ăn chay, và hiểu sâu xa lý nhân quả trong ba đời. Kiếp vận hiện tại của thế giới, những tai

nạn chúng ta phải chịu đựng đều là do quá khứ tạo nhiều ác nghiệp đến nỗi hiện tại cảm thọ khổ quả. Do đó, biết rằng: những ác quả này là do ác nhân trong quá khứ tạo thành. Muốn tránh khổ quả phải dứt khổ nhân. Quá khứ đã gieo khổ nhân thì chỉ niệm Phật, sám hối mới tiêu trừ được nỗi.

Hiện tại nếu chẳng gieo khổ nhân nữa thì tương lai sẽ khỏi phải chịu khổ quả. Khổ nhân là gì? Là ba độc tham, sân, si. Thiện nhân là gì? Nếu ai ai cũng hiểu rõ lẽ nhân quả thì chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tai họa sẽ chẳng từ đâu mà khởi lên được nữa! Nhưng người đời nay chẳng hiểu lý nhân quả nên lắm mỗi tư dục đầy ắp dạ, không điều ác nào chẳng làm, chỉ biết có mình, chẳng biết có ai khác, nào biết lợi người chính là lợi mình, hại người thật tai hại cho mình.

Vì thế, hằng ngày, tôi thường bảo: “Nhân quả là đại căn bản để Thánh Nhân trị thiên hạ, để Như Lai cứu độ chúng sanh. Bỏ nhân quả mà toan bàn đến chuyện trị quốc bình thiên hạ khác gì tìm cá trên cây, chưa từng thấy ai tìm được cả!” Phật dạy: “Muốn biết nhân đời trước, xem quả báo đời này. Muốn biết quả mai sau, xem việc làm đời này”. Nếu như những điều mình tạo tác đời này đều là việc ác, đời sau sao khỏi cảnh phải chịu khổ quả cho nỗi! Nếu những hành vi đời này đều là việc lành thì đời sau lo chi chẳng hưởng thiện quả!

Kinh Dịch chép: “Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa, nhà chất chứa điều chẳng lành, tai ương ắt có thừa” (Tích thiện chi gia, tất hữu dư

khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương). Kinh Thư chép: “Tích thiện, giáng chi bách tường. Tích bất thiện, giáng chi bách ương” (Làm lành, trăm điều tốt lành giáng xuống. Làm việc chẳng lành, trăm tai ương đổ xuống). Lý ấy hết như lý nhân quả của Đức Phật ta đã giảng. Chữ “dư” đã nói đó chính là tàn dư của chánh báo, chứ không phải là chánh báo. Chính người ấy trong đời sau tự mình hưởng thụ điều vui mừng hay tai ương chính, còn dư báo lan qua con cháu. Dư báo, dư ương đều là do đời trước tích chứa mà ảnh hưởng đến đời này vậy.

Thế nhân chẳng biết nhân quả, cứ cho sau khi chết đi là đã giải thoát hoàn toàn, không nghĩ rằng sẽ lại có quả báo thiện ác nữa. Đây chính là tà kiến sai lầm nhất của thiên hạ về đời sau vậy. Cần biết là: Người đã chết đi rồi, thần thức chẳng bị diệt theo. Nếu con người biết thần thức chẳng diệt thì ắt sẽ thích làm lành, chẳng dám làm ác. Nếu cho rằng chết đi là hết sẽ chỉ cốt khoái ý chuyện trước mắt, mặc tình phóng túng, không điều ác gì chẳng làm. Hành vi đại nghịch cực ác ấy đều là kết quả của tà kiến đoạn diệt. Nếu hết thấy mọi người thật sự có thể chẳng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì tự nhiên thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc. Nhưng đấy vẫn chưa phải là biện pháp rốt ráo.

Thế nào mới là biện pháp rốt ráo? Chính là niệm Phật cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, và phải ngăn chặn điều tà, giữ lòng thành, củng cố đạo đức, trọn vẹn bốn phạm thì chẳng những chuyển được quốc vận, lại còn tiêu trừ được tai nạn. Bởi lẽ, tai nạn ngày nay đều là do cộng nghiệp của mọi người chiêu cảm. Nếu ai nấy đều có thể niệm Phật, làm lành thì chuyển được cộng nghiệp, kiếp vận cũng tiêu tan. Ngay

trong lúc chiến cuộc nổ ra ở đất Hồ, những người niệm Phật được linh cảm rất nhiều. Bọn họ chỉ tu một mình mà còn đạt được sự linh cảm như thế, huống là tất cả mọi người cùng tu!

Vì thế, ta biết rằng: Đại chúng chí thành khẩn thiết niệm Phật có thể vãn hồi được quốc nạn. Lại như Đức Quán Thế Âm Bồ Tát dùng ba mươi hai ứng thân vào trong các cõi nước, tầm thanh cứu khổ. Nếu như có thể chí thành tụng niệm Thánh hiệu Quán Thế Âm thì liền được cảm ứng. Những chuyện linh cảm xưa nay xem trong các sách vở có ghi chép rất nhiều, các vị có thể tự tìm đọc lấy. Ngoài những thân đã thuật trong phẩm Phổ Môn: “Bồ Tát thấy nên dùng thân nào để độ được thì liền hiện thân đó cứu độ” ra, nếu Ngài thấy nên dùng thân núi, sông, đại địa, cầu dò, đường sá để hóa độ được thì Ngài cũng hiện các thân núi, sông, đại địa, cầu dò, đường sá... để cứu độ chẳng thể nghĩ bàn, chơn thật chẳng dối.

Con người hiện tại, kẻ phát được lòng tin chơn thật thì ít, kẻ không tín tâm rất nhiều. Nếu tất cả mọi người phát được tín tâm, lại còn có thể hành thiện thì có tai vạ nào mà chẳng tiêu diệt được? Bồi dưỡng tín tâm của phàm nhân từ tuổi nhỏ là tốt nhất. Vì thế, cha mẹ hãy nên dạy con cái lễ nhân quả báo ứng, đạo lý củng cố đạo đức, tận hết sức mình ngay từ tuổi thơ ấu. Nếu không, đến lúc trưởng thành, tập tánh đã thành, khó có tác dụng gì!

Điều quan trọng nhất là “thai giáo”. Nếu thai phụ có thể ăn chay, niệm Phật, hành thiện, bỏ ác, mắt chẳng nhìn ác sắc, tai chẳng nghe tiếng

ác, thân chẳng làm việc ác, miệng chẳng nói lời ác, khiến cho đứa trẻ còn trong thai đã bảm thọ chánh khí khiến cho thiên tánh tinh thuần. Sinh ra, lại giáo hóa thêm thì không đứa nào lại chẳng trở thành thiện nhân.

Xưa kia, các bà Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tụ hiền thực, nhu mì, đức hạnh giúp chồng dạy con, tạo nền móng cho vương nghiệp nhà Chu cả tám trăm năm. Họ chính là những tấm gương tiên khởi. Vì thế, Án Quang tôi thường bảo: “Quyền trị quốc, bình thiên hạ, hàng nữ nhân chiếm hơn quá nửa”. Bởi lẽ, trong gia đình, người chủ trì việc nhà đa phần là phụ nữ. Đàn ông thường hay lo việc ngoài. Nếu mẹ hiền thì những điều lọt vào tai, đập vào mắt của con cái trong nhà đều là những điều dạy dỗ của mẹ, chịu ảnh hưởng của mẹ, lợi ích vô cùng. Nếu lúc nhỏ để mặc cho chúng tánh tình kiêu căng, phóng túng, tai nghe tự do, tuyệt chẳng lấy chuyện hiếu đễ, trung tín, nhân quả báo ứng để giáo huấn thì đến khi khôn lớn sẽ khó gì mà không điểu ác nào không làm, trở thành quyền thuộc của Ma Vương, không hành vi nào là chẳng ác.

Vì thế, cần phải nuôi dưỡng tâm lành của con cái từ lúc nhỏ, quản giáo nghiêm ngặt. Phải biết là bọn sát nhân, phóng hỏa, không điểu ác gì chẳng làm hiện tại đa phần là do cha mẹ quen thói nuông chiều kiêu căng mà nên nổi. Thầy Mạnh dẫu hiền cũng cần phải do bà mẹ ba lần đổi chỗ ở, nghiêm ngặt quản thúc mà thành, huống hồ là bọn phàm phu, tầm thường ư?

Hiện tại, ai nấy đề xướng nam nữ bình quyền, cho đó là nâng cao nhân cách của nữ giới; kỳ thật, nam nữ thể chất bất đồng, năng lực, trách

nhiệm mỗi giới mỗi khác. Thánh Nhân cho rằng vị trí chính đáng của nam giới là ở ngoài, vị trí chính đáng của nữ giới là ở bên trong. Vị trí chính đáng ở bên trong tức là chăm lo những việc trong gia đình như bếp núc, canh củi, giúp chồng dạy con v.v... Hiện nay nữ nhân đổi sang giành trách nhiệm của nam giới nên bỏ phé vị trí chính đáng của mình; việc nhà không ai trông coi, con cái không ai dạy, tai hại vô cùng. Tuy mang tiếng là nâng cao nhân cách của nữ giới, kỳ thực, chẳng những chỉ khuynh đảo nhân cách phụ nữ lại còn phá hoại cơ sở của gia đình nữa. Than thở khôn xiết! Xin những bậc nữ giới anh hiền hãy nhận thức rõ nhân cách của chính mình ở tại đâu, ngõ hầu con cái trong gia đình đều thành hiền thiện, thiên hạ lẽ nào còn chẳng thái bình nữa! Vì thế, biết rằng: đạo trọng yếu để trị quốc, bình thiên hạ ở ngay tại việc giáo dục trong gia đình, mà việc giáo dục trong gia đình, người mẹ thực sự đảm nhiệm quá nửa. Lúc trong thai, con cái đã bẩm thụ khí chất của mẹ, lúc sanh ra lại nhìn theo nghi thái của mẹ, lãnh thọ sự dạy răn của mẹ, cho nên dễ thành hiền thiện. Điều này tuy chẳng hiện hình tích, nhưng lại là việc trọng yếu để đạt đến thái bình. Tiếc rằng đa số các bậc vĩ nhân chưa thấy rõ điều này.

Nguyện những bậc anh hiền trong nữ giới kể từ nay hãy chú ý. Người đời nay mỗi khi gọi các bà là “thái thái” thì phải biết là ý nghĩa của hai chữ “thái thái” rất cao quý, to lớn. Uyên nguyên của hai chữ ấy bắt nguồn từ tận đời Chu. Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự đều là bậc Thánh Nhân trong nữ giới. Họ đều giúp chồng dạy con. Bà Thái Khương sanh ra ba vị Thánh Nhân là Thái Bá,

Trọng Ung và Quý Lịch. Bà Thái Nhậm sanh Văn Vương. Bà Thái Tự đẻ ra Vũ Vương và Chu Công. Ba đời nữ Thánh sanh ra ba đời ông cháu mấy vị Thánh vương tạo thành thời thịnh trị tốt đẹp nhất trong muôn đời. Người đời sau gọi phụ nữ là “Thái thái” tức là muốn đem so các bà ấy với ba bà Thái. Do đấy, ngẫm xem, Thái Thái là danh hiệu không gì cao hơn nữa để tôn xưng phụ nữ. Nữ giới thật cần phải có đức hạnh của ba bà Thái thì mới chẳng xấu hổ với danh xưng đó. Rất mong các vị hiền nữ hiện tại đều có thể thực hiện đạo giúp chồng dạy con, khiến cho con cái mình sanh ra đều thành hiền thiện. Có thể mới chẳng phụ cái danh xưng ngưỡng mộ trên đây!

Kê tiếp, cần phải hiểu đúng vấn đề ăn chay. Con người và hết thảy động vật vốn cùng thuộc loài hàm linh, nữ nào giết hại tính mạng chúng để thỏa mãn miệng, bụng mình. Thân ta dao vừa cắt phải một chút liền cảm thấy thông khổ. Mới nghĩ đến đó, tim gan đau buốt, còn lẽ nào nữ giết chúng ăn thịt? Huống nữa kẻ sát sanh ăn thịt, lâu dần bị nhiễm, dễ khởi sát cơ. Đao binh, tai kiếp hiện tại đều là do đây mà phát khởi. Cổ nhân nói: “Dục tri thế thượng đao binh kiếp; đản thính đồ môn dạ bán thanh” (Muốn biết can qua trong hiện tại. Lò mổ xin nghe tiếng giữa đêm), thật đúng là như vậy. Nhưng thế gian có lắm kẻ tuy cũng hiểu rõ đạo lý Phật pháp mà vẫn thấy kiêng giết, ăn chay là chuyện khó.

Năm Dân Quốc thứ mười (1921), tôi đến Nam Kinh thăm bạn. Ông ta mời ông Ngụy Mai Tôn đến gặp. Ông Ngụy tin Phật, niệm Phật, nhưng bảo là chưa thể ăn chay. Tôi dặn ông hãy đọc kỹ Bài Văn Khuyên Tu

Phóng Sanh của chùa Cực Lạc ở Nam Tầm đăng trong bộ Văn Sao mấy mươi lượt sẽ ăn chay được. Bởi lẽ, trong bài văn đó, trước hết nói chúng sanh và Phật tâm tánh chẳng hai. Tiếp đó, nói đến bao kiếp làm cha, mẹ, huynh, đệ, vợ, con, quyến thuộc, sanh ra lẫn nhau, làm oan gia đối đầu của nhau, giết chóc lẫn nhau. Tiếp đó, bài văn dẫn Kinh Phạm Võng, Kinh Lăng Nghiêm làm chứng. Đọc sâu nghĩ chín, chẳng những chẳng nỡ ăn mà còn chẳng dám ăn nữa kia! Về sau, tôi biết là chưa đầy hai tháng sau, Ngụ cư sĩ chẳng còn ăn thịt nữa.

Lại nữa, bà mẹ của cư sĩ Hoàng Hàm chưa thể ăn chay mà cũng chẳng tin ăn chay là chuyện trọng yếu trong việc học Phật. Ông Hoàng Hàm ngầm đến hỏi cách khuyên cho mẹ tin, tôi bảo ông sớm tối thay mẹ đối trước Phật sám hối nghiệp chướng. Do mẫu tử thiên tánh tương quan, nếu thật sự chí thành ắt sẽ được cảm ứng. Ông Hàm y theo đó phụng hành. Mẹ ông liền có thể ăn chay trường. Lúc đó bà đã tám mươi một tuổi, nhật khóa niệm hai vạn câu Phật hiệu, sống đến năm chín mươi ba tuổi mới mất.

Vì thế, tôi mong từ hôm nay trở đi, hết thầy đại chúng đều chú ý kiêng giết, ăn chay và khuyên cha mẹ, con cái, thân hữu của mình cùng nhau ăn chay. Phải biết đây cũng là phương pháp căn bản để hộ quốc tức tai. Hôm nay giảng về ý nghĩa của hộ quốc tức tai và phương pháp để thực hành hộ quốc tức tai chính là niệm Phật, ăn chay; mong quý vị chẳng coi là thiển cận rồi chẳng buồn lưu tâm đến.

III. NGÀY THỨ BA

* TRẦN THUẬT NGUYÊN LÝ NHÂN QUẢ VÀ NÊU SỰ THỰC LÀM CHỨNG

Hai ngày hôm trước tôi đã trình bày sơ lược về đạo lý nhân quả và phương pháp tức tai hộ quốc; hôm nay vốn chẳng cần phải luận về nhân quả nữa; nhưng tôi thấy vẫn còn có điểm chẳng thể chẳng trình bày rõ, nên tôi định sẽ giảng sâu hơn ít nữa, lại thuyết minh về nguyên lý nhân quả và nêu sự thực làm chứng, ngõ hầu đại chúng biết đến sẽ tỉnh ngộ và kinh sợ.

Hiện tại, thế nhân chẳng rõ nguyên lý nhân quả, cho đó là chuyện bàn xằng, tà thuyết, lúc nào cũng tính chiếm tiện nghi, chẳng cam bề chịu lép, nào biết đâu tiện nghi chính là chịu lép, chịu lép hóa ra lại là tiện nghi. Như cha mẹ nay thường nuông chiều con cái, chẳng quản giáo nghiêm ngặt đến nỗi tạo thành thói quen ham tiền tài, thích tiện nghi. Cứ cho là có vậy mới gìn giữ được gia sản, chẳng đến nỗi bị tổn thất; nào hay kết quả trái ngược, vừa di hoạn chung thân lại còn gián tiếp ảnh hưởng vô hạn đến xã hội, quốc gia.

Nay nêu lên một chuyện để làm ví dụ: Triệu Lương Tướng ở Đại Châu đời Tùy, gia tư cự vạn, có hai đứa con. Đứa lớn tên Mạnh, đứa nhỏ tên Doanh. Doanh mạnh mẽ, Mạnh yếu đuối. Lúc người cha sắp mất, phân gia sản làm hai, Mạnh được nhiều hơn. Sau

khi Triệu Lương Tướng mất, Doanh chiếm sạch tài sản của anh, chỉ chừa lại cho anh một căn nhà và mảnh vườn. Mạnh phải đi làm thuê để tự nuôi thân. Chẳng mấy chốc, Triệu Doanh chết, sanh làm con của Mạnh, mang tên là Hoàn. Sau đấy, Mạnh cũng chết, đầu thai vào nhà Doanh, làm cháu nội của Doanh, mang tên là Tiên. Đến lớn, nhà Mạnh càng nghèo, nhà Doanh càng giàu. Triệu Hoàn phải làm tôi tớ cho Triệu Tiên để sống. Thiên hạ bảo: “Thiên đạo bất bình, đã giàu càng giàu thêm”.

Một ngày kia, Hoàn nghe bà mẹ góa bảo: “Chú Doanh của mày cướp đoạt gia sản của mày đến nỗi đời mày nghèo mạt, nay phải làm tôi tớ cho nhà nó, chẳng biết nhục sao?” Bởi thế, Hoàn oán hận, toan giết Triệu Tiên. Năm Khai Hoàng thứ nhất (600 TL), Hoàn theo Tiên đi triều bái Ngũ Đài, vào đến chốn hang thẳm ở phía Đông cả mấy mươi dặm, sâu hun hút không một bóng người. Hoàn rút dao bảo Tiên: “Ông nội mày là em trai bố tao. Ông mày đoạt gia sản của tao. Đến đời tao nghèo túng phải làm đầy tớ cho mày. Mày nỡ lòng làm thế, nay tao giết mày đây!” Tiên liền cầm đầu chạy, Hoàn đuổi theo chạy vào rừng, thấy có am tranh liền bước vào. Có một vị lão Tăng bảo Hoàn: “Ông định làm gì thế?” Hoàn đáp: “Tôi đuổi theo kẻ oán đối!” Vị lão Tăng cười lớn: “Ông khoan làm thế, tôi sẽ giúp ông tự biết”, rồi trao cho đũa vật bảo pha vào trà mà uống. Hoàn uống xong như mộng mới tỉnh, nhớ hết việc cũ, then thùng đau đớn.

Lão Tăng bảo: “Doanh chính là tiền thân của Hoàn, trước kia cướp đoạt của anh chính là tự bỏ tài sản của mình. Tiên là Mạnh thác sanh trở

lại để hưởng lấy sản nghiệp kiếp trước vì ý nguyện của cha vẫn còn vậy!” Hai người bèn bỏ nhà làm Tăng tu đạo, sau đều mất tại Di Đà Am. Sự việc này còn thấy chép trong Thanh Lương Sơn Chí. Nhân quả báo ứng hiển hiện rõ ràng, như tiếng vang ứng theo tiếng, như bóng theo hình, chẳng sai mảy may. Thế mà những kẻ tham hận sao chẳng tỉnh ngộ vậy?

Lại như hiện tại còn lưu truyền chuyện cái trống da người ở Ngũ Đài Sơn cũng là chuyện nhân quả báo thật rành rẽ đáng sợ vậy. Tôi xin thử thuật lại nguyên do. Đồi Đường, tại mặt sau ngọn Bắc Đài, chùa Hắc Sơn có nhà Sư tên Pháp Ái làm giám tự hai mươi năm, lấy của Chiêu Đề Tăng tậu nhiều ruộng ở Nam Nguyên, để lại cho đồ đệ là Minh Hối. Pháp Ái chết liền sanh làm trâu ở nhà họ X tận lực một mình cày ruộng. Ba mươi năm sau, trâu vừa già vừa bệnh, chủ trại muốn đem trâu đổi cho người lấy dầu.

Đêm ấy, Minh Hối mộng thấy người thầy đã chết của mình khóc bảo: “Ta dùng Tăng vật để tậu ruộng cho người. Nay đang làm trâu vừa già vừa còm cõi. Xin hãy lột da ta bịt trống, viết tên tuổi của ta trên đó. Mỗi khi lễ tụng liền đánh trống thì nỗi khổ của ta mới có ngày thoát khỏi. Nếu không, dù gò Nam Nguyên có biến thành biển xanh, ta vẫn chưa thể thoát khổ nổi!” Nói xong, phủ phục cả thân mình xuống.

Minh Hối tỉnh giấc, chỉ mới nửa đêm liền tỉnh chuông nhóm chúng, tường thuật tự sự. Sáng hôm sau, chủ trại báo con trâu già đã húc đầu vào cây mà chết. Minh Hối y theo lời trước, lột da trâu bịt trống, viết tên thầy lên trên, bán hết ruộng ở Nam Nguyên. Được bao nhiêu tiền đem

cúng trai tăng cho tăng chúng ở Ngũ Đài hết. Minh Hối lại bán sạch cả y bát, vì thầy mình lễ sám. Sau đem trồng ấy gói vào viện Văn Thù ở Ngũ Đài. Lâu ngày, trồng hư, chủ chùa đem trồng khác thế vào. Thế gian ngoa truyền là trồng bịt bằng da người. Sự tích này cũng thấy ghi trong Thanh Lương Sơn Chí.

Nói tóm lại, nhân quả rành rành, không ai trốn khỏi. Hai người con họ Triệu do túc thế có gieo căn lành nên gặp được cao tăng, cuối cùng thành đạo. Còn như kẻ phạm tục sao lại tự cậy, chẳng dóc lòng tin nhân quả, tự mình làm, làm người khác làm, tự hại, hại người? Người đời nay chỉ thấy chuyện trước mắt, chẳng đoái hoài đời sau, thích chiếm tiện nghi, chẳng thích bị thua thiệt; con cái mắt thấy tai nghe, tập riết thành thói. Phong tục xã hội cũng do đó ngày càng hiểm ác, tranh đoạt nổi lên, đại loạn hưng khởi, giết người đầy thành, ngập đồng mà mắt chẳng nháy, tâm chẳng áy náy đều là do đó mà ra cả. Đã thế, sát nhân là tàn nhẫn, ác độc, nhưng chẳng coi là đáng buồn, đáng xót, ngược lại còn vinh váo khoe công, còn được kẻ khác khen ngợi nữa. Thậm chí có kẻ giết cả cha mẹ, họ hàng, còn tự cho là “đại nghĩa diệt thân!”.

Ôi! Họa biến đến thế, thiên lý tuyệt, nhân đạo diệt, chẳng riêng đạo đức táng vong mà còn bị kiếp nạn không ngại nữa! Vì thế, hiện tại muốn cứu hộ đất nước phải bắt đầu từ căn bản. Căn bản là gì? Đích xác là tin vào nhân quả. Nếu đã thật sự hiểu rõ lý nhân quả lại còn có thể dóc lòng tin, tận lực thực hành thì thế đạo, nhân tâm tự có thể văn hồi. Tôi cho rằng tất cả triết học, tôn giáo trong thế gian không gì tinh áo, dễ thực hành bằng Phật giáo cả.

Hiện tại, thế nhân sở dĩ chẳng tin nhân quả, đa phần là vì chịu ảnh hưởng của Tống Nho. Những nhà Lý học thời Tống như Trình Minh Đạo, Trình Y Xuyên, Chu Hối Am v.v... do xem Kinh Đại Thừa nhà Phật, chỉ lãnh hội đôi chút ý nghĩa “toàn sự tức lý”; lại chỉ thân cận một hai bậc tri thức trong Tông Môn, hiểu lóm rằng bất cứ pháp nào cũng chẳng ngoài ý chỉ Nhất Tâm, chứ thực sự chưa hề duyệt trọn các Kinh Luận cùng tham học với khắp các bậc tri thức chư tông, trộm lấy ý nghĩa của Kinh Phật để tự khoe mẽ, dùng đó phát huy sự uyên áo của Nho giáo. Bọn họ lại sợ người đời sau cũng xem Kinh Phật sẽ thấy ngay sự kém cỏi của mình bèn rắp tâm báng Phật.

Nhân chẳng thể báng bỏ những chỗ tinh diệu, họ liền nhắm vào mặt Sự mà bài bác. Họ bảo Đức Phật dạy sự lý tam thể nhân quả, lục đạo luân hồi chỉ nhằm để phỉnh phờ hạng ngu phu, ngu phụ phụng hành giáo pháp của Ngài, chứ thật sự chẳng có những điều ấy. Họ còn bảo: Sau khi con người chết đi, thân đã mục nát thì thần thức cũng phiêu tán; dù có muốn bằm, chặt, xay, giã cũng không còn có gì để làm được! Thần thức đã tan thì còn ai để thọ sanh? Do những thuyết sai lầm ấy, họ đã mở tung đầu mối phóng túng, không kiêng sợ gì cả.

Họ lý luận chẳng khuyến khích điều thiện, chẳng trừng phạt điều ác vì “Trời tức là Lý” vậy, chứ nào có một vị vua thật sự cầm cân nảy mực đâu! Họ cho rằng thần và hồn là hai lương năng của Khí, như thể sấm động là do hai khí Âm, Dương va chạm nhau nổ thành tiếng. Họ coi

những vấn đề Thực Lý, Thực Sự là chuyện không đàm (bàn luận suông), chuyên lấy việc chánh tâm thành ý làm gốc để trị quốc, trị dân; chẳng hề biết chánh tâm thành ý chính là do “trí tri cách vật” mà ra. Họ bảo “trí tri” là suy xét tri thức của mình đến cùng cực, “cách vật” là hiểu cùng tận cái lý của mọi sự vật trong thiên hạ; nào hay “vật” chính là tư dục trong tâm mình. Do có tư dục nên tự tâm bị chướng ngại; bởi thế, tâm vốn sẵn đủ chơn tri nhưng không cách nào hiển hiện được. “Cách trừ” (hiểu biết và trừ khử) được tư dục thì chơn tri sẵn có sẽ tự hiển hiện. Hễ chơn tri đã hiển thì tâm sẽ chánh, ý sẽ thành!

Chánh tâm thành ý thì dù ngu phu, ngu phụ một chữ chẳng biết cũng vẫn làm nổi. Còn nếu đúng như họ (các nhà Tống Nho) lý luận thì việc suy xét đến cùng cực tri thức của mình, hiểu tận cùng cái lý của mọi sự vật trong thiên hạ đâu có là bậc Thánh Nhân cũng chẳng dễ gì làm nổi! Vì do lầm lạc một điểm này đến nỗi căn bản trị thế bị mất sạch. Họ lại dùng thuyết không nhân quả, luân hồi toan khuyên người chánh tâm thành ý. Nếu đã không có nhân quả, một phen chết đi là vĩnh viễn mất hết, dù thiện hay ác cũng đều chết cả; còn ai bận tâm đến cái tiếng hảo nữa mà chánh tâm thành ý cơ chứ?

Hơn nữa, các nhà Lý học cho rằng: “Nếu có làm điều gì để làm lành thì đó chính là ác”. Lý lẽ này đúng là phá hoại thiện pháp thế gian. Vì sao thế? Ông Cừ Bá Ngọc năm 20 tuổi, thấy mười chín năm trước đều sai trái. Đến năm mươi tuổi, thấy bốn mươi chín năm trước đều sai trái, muốn bớt lỗi nhưng chưa làm được. Như thế thì ông Cừ có làm điều gì hay là không làm điều gì? Khổng Tử không đức nào chẳng tu, không

môn học nào mà chẳng giảng, không nghe đạo nghĩa nào mà chẳng làm theo, không điều chẳng tốt nào mà chẳng thay đổi, nhưng vẫn lo âu. Đến năm bảy mươi tuổi, Ngài vẫn mong Trời cho sống thêm mấy năm ngô hầu học Dịch để khỏi mắc lỗi lớn. Như vậy thì Ngài có làm điều gì hay không làm điều gì hết vậy?

Chỉ từ sau thời Trình, Chu, nhà Nho đều chẳng dám bàn đến nhân quả vì hễ bàn đến là bị mọi người công kích, cho rằng không phải thuần Nho, cho là xúc phạm tiên hiền. Bởi vậy, kẻ hiểu biết phạm tục, kiến thức kém cỏi liền hòa giọng báng Phật; người kiến thức cao minh lén lút xem Kinh Phật để mong tự hiểu biết thêm, nhưng miệng vẫn sớt sắng bài bác Phật pháp, ngô hầu sau này được dự vào chân Hiền Từ trong làng xóm hay chức Tư Bồn trong Văn Miếu!

Khi đó, trong thâm tâm của Trình, Chu bất quá chỉ mong hưng long Nho Giáo, chẳng bận tâm đến Phật giáo sẽ còn hay mất! Họ nào hay đến ngày nay, chất độc tiềm tàng “phá diệt nhân quả, luân hồi” đột nhiên bộc phát ào ạt thành ác quả phi Thánh, phi Kinh, diệt lương hảo, diệt nhân luân, thú tánh, thú hạnh, vô thân, vô sĩ, tặc nhân, tặc nghĩa, họa quốc, họa dân, chẳng đáng đau buồn ư?

Hiện tại chiến sự ở vùng Tuy Viễn rất khẩn cấp, tai họa cực thảm, những chiến sĩ trung dũng và đồng bào thân ái của chúng ta hoặc là máu thịt vương vãi tung tóe, táng thân, tổn mạng, hoặc là nhà tan cửa nát, trôi giạt, bơ vơ, không cơm, không áo, đói khát bức bách. Nói, nghĩ đến điều này, tim gan tan nát. Sáng nay, Pháp Sư Viên Anh kể cho tôi nghe

chuyện này, bảo tôi khuyên đại chúng phát tâm cứu tế, góp gió thành bão, chẳng quản ít nhiều. Có áo cho áo, có tiền cho tiền, tùy duyên, tùy lực, công đức vô lượng, chắc chắn hưởng thiện quả.

Phải biết là giúp người tức là giúp mình, cứu người tức là cứu mình. Nhân quả vắng vắng, chẳng sai sót mảy may. Nếu chính mình gặp nạn, không có ai giúp, nhưng nếu có thể xưng niệm Thánh hiệu thì nhất định sẽ được Phật, Bồ Tát thăm gia hộ, bảo vệ. Tôi là một ông sư nghèo, hoàn toàn chẳng cất chứa thứ gì, hễ tại gia đệ tử có biếu tặng cái gì, tôi đều dùng để ấn loát Kinh sách hết. Nay tôi xin quyên ra một ngàn đồng để xường xuất cứu viện vùng Tuy Viễn. Chỉ có giúp người mắc nạn thì mới có thể dứt trừ được tai nạn cho mình.

Hiện tại, phần lớn các bà đua nhau xa hoa, nghe nói một bình nước hoa trị giá từ ba, bốn chục bạc đến hai, ba trăm bạc. Sao bằng đem số tiền phung phí đó dùng để cứu trợ Tuy Viễn? Lại còn có hạng người chuyên ưa tích tụ của cải, lúc sống đã chẳng dám dùng, chết đi còn mong chôn theo xuống đất, ngõ hầu được con cái hậu táng, hoặc lưu truyền cho con cháu dùng, nào hay đâu hiện tại có nạn đào mộ, những mong tích chứa lại biến thành đại họa cho tương lai. Chẳng hạn như ở Thiểm Tây hiện đang có cả một tổ chức đào mộ chuyên thực hiện hành vi đó. Làm con người nữ nào vì chữ Hiếu lại khiến cho mớ xương khô phơi tênh hênh cho chim, thú no dạ! Sao chẳng đem khoản tiền lớn lao đó dùng để cứu tế người dân bị nạn thì kẻ sống lẫn người chết đều được lợi. Như lại có người nghèo túng, tuy có chí nguyện làm thế, nhưng sức chẳng kham nổi thì hãy niệm Phật cho nhiều, thay họ hồi hướng, không

những dứt tai nạn cho người còn dứt được tai nạn cho mình. Việc này ai cũng làm được.

Tôi nghe lúc chiến cuộc xảy ra tại đất Hồ, cháu của cư sĩ Tào Thương Châu vâng lời cha từ đất Hồ xuống Tô Châu đón ba ông chú và các chú về Hồ. Ông chú và các chú chẳng muốn đi. Cháu Tào bèn lấy châu báu của vợ giắt vào lưng, ngồi thuyền nhỏ về Hồ. Chợt có kẻ cướp đến, anh ta nhanh chóng trốn vào gần bờ, vội vàng lội xuống nước, vàng ngọc giắt theo trị giá cả hai, ba vạn đều đem cho hết chỉ để đổi áo với người khác, tự xưng mình là học trò nghèo, làm thầy giáo dạy võ lòng cho trẻ, may mà thoát nạn. Nếu bọn đại đạo biết được, không biết còn phải tốn mấy vạn để chuộc thân nữa. Đây có phải là tiền tài gieo họa cho người hay không?

Người ta nay chỉ tham phần tiện nghi trước mắt chẳng buông được, luôn bị tiền tài làm khốn khổ, những trường hợp như vậy rất nhiều, chẳng thể thuật đủ! Khi xưa, có một vị cư sĩ nọ hỏi tôi phương cách vãn hồi kiếp vận, tôi bảo: “Việc này rất dễ! Hiểu rõ lý nhân quả rồi tận lực mà hành. Phát được tín tâm ắt có thiện quả. Vả tâm tư ngụy đã tiêu, trong tâm quang minh chánh đại thì tai nạn nào cũng tiêu tan như băng tuyết mà thôi!”

Trong cơn loạn lạc ở Hồng Dương, ông Mộc Thương Viên Cung Hoảng người tỉnh Giang Tây bị bọn phi bắt được, trói vào cây cột ở khách sảnh, khóa chặt cửa lại, chờ đúng lúc sẽ giết. Ông Viên tự nghĩ phải chết, thảm niệm thánh hiệu Quán Thế Âm, hồi lâu ngủ quên đi, tỉnh

dậy thấy thân mình nằm ngoài đồng, ngẩng đầu lên trông thấy vẫn còn sớm liền trốn thoát. Đây là chuyện xác thực.

Do vậy, tôi rất mong đại chúng đại phát tín tâm, nương vào đức của cha Trời, mẹ đất, giữ lòng nhân coi mọi người là đồng bào của mình, dùng lòng nhân đối xử với loài vật hết như con người. Phạm đối với hết thảy những gì trong vòng trời đất đều thương xót, nuôi dưỡng, bảo vệ, xem như chính mình. Lại còn đem lễ nhân quả báo ứng, niệ̣m Phật cầu sanh Tây Phương để chỉ bảo, khuyến hóa. Nếu như tất cả mọi người đều làm được như vậy thì nước chẳng cần giữ mà tự giữ vững, tai nạn chẳng mong dứt cũng tự dứt vậy!

IV. NGÀY THỨ TƯ

*** GIẢNG VỀ NHÂN QUẢ LỚN LAO ĐỂ THÀNH PHẬT VÀ LỢC GIẢI TỬ LIỆU GIẢN**

Hai ngày hôm trước, tôi đã nói qua về nhân quả. Hôm nay tôi vẫn bàn về đề tài này, quý vị cần biết là nhân quả đã nói đó chỉ là tiểu nhân, tiểu quả, nhân quả được bàn trong ngày hôm nay là đại nhân, đại quả.

Sở dĩ Đức Phật thành Phật thường hưởng pháp lạc chơn thường, sở dĩ chúng sanh bị đọa địa ngục, vĩnh viễn chịu khổ luân hồi kịch liệt, cả

hai việc này đều chẳng ra ngoài nhân quả. Hễ con người muốn trị thân tâm thì trọn chẳng thể lìa nhân quả được. Con người hiện tại ham ăn nói lớn lối, chẳng cầu thực tế, bộp chộp bảo nhân quả là pháp Tiểu Thừa. Đây thực là một lầm lẫn lớn.

Nên biết rằng: Tiểu Thừa hay Đại Thừa đều chẳng ra ngoài hai chữ “nhân quả” được! Tiểu Thừa là tiểu nhân quả, Đại Thừa là đại nhân quả. Tiểu nhân là y theo Sanh Diệt Tứ Đế, biết Khổ, đoạn Tập, hâm mộ Diệt, tu Đạo; tiểu quả là chứng quả A La Hán. Đại nhân là tu Lục Độ vạn hạnh; đại quả là chứng Phật Quả rốt ráo. Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Đã có nhân nào ắt sẽ có quả đó, không sai hào ly. Vì vậy, chẳng những mình người thế gian thuộc trong vòng nhân quả mà ngay chính Bồ Tát, Phật cũng chẳng ra ngoài vòng nhân quả. Nếu bảo nhân quả là Tiểu Thừa, hóa ra Phật, Bồ Tát cũng là Tiểu Thừa ư? Đủ biết lời lẽ ấy ngông cuồng đến thế nào!

Pháp Hội này là Pháp Hội Hộ Quốc Tức Tai. Tôi chỉ mới bàn đến việc ngưng dứt tai nạn đao binh, nước lửa, vẫn chưa phải là cứu cánh. Cần phải dứt tai nạn phiền não sanh tử thì mới là biện pháp triệt để. Chúng ta mê muội Pháp Thân, đoạn Phật huệ mạng, đáng buồn, đáng đau! So với việc sắc thân bị họa, mê lầm mất Pháp Thân nào phải chỉ nặng nề gấp cả trăm ngàn lần hơn! Vì thế, phải hộ trì Pháp Thân huệ mạng, đoạn sanh tử phiền não mới đáng kể là biện pháp tức tai (dứt trừ tai chướng) trọn vẹn.

Phật Giáo, nói đại cương, chẳng ngoài năm tông, tức là: Thiền, Giáo, Luật, Mật, Tịnh.

- Luật là căn bản của Phật pháp. Nghiêm trì tịnh giới để mong tam nghiệp thanh tịnh, nhất tánh viên minh. Ngũ Uẩn đều không, các khổ đều độ.

- Giáo là y giáo tu Quán, rời khỏi “ngón tay chỉ mặt trăng”, triệt ngộ Phật tánh sẵn có của đương nhân, kiến tánh thành Phật. Nhưng chữ “thành Phật” đó nghĩa là thấy được Đức Phật thiên chơn trong tự tánh bèn gọi là “thành Phật”, chứ chưa phải là thành tựu, chứng được quả Phật của Bồ Đề đạo.

- Mật dùng tam mật (thân mật, khẩu mật, ý mật) gia trì, chuyển Thức thành Trí, gọi là “tức thân thành Phật”. Đây cũng chỉ là ngay nơi thân này, liễu sanh thoát tử nên bảo là “thành Phật”, chứ chưa phải là thành Đức Phật phước huệ viên mãn.

Ba tông này đều có thể gộp vào Thiền vì khí phận tương đồng. Nếu xét về yếu quyết tu trì thì Phật Pháp chỉ có hai môn Thiền và Tịnh. Thiền chuyên cậy tự lực, nếu chẳng phải kẻ tức căn thành thực thì chẳng thể được lợi ích thật sự. Tịnh là kiêm nhờ Phật lực, hễ ai đầy đủ tín, hạnh, nguyện chơn thật thì đều có thể đới nghiệp Vãng Sanh. Sự khó dễ giữa chúng khác nhau một trời, một vực. Vì thế, Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ Thiền Sư đầu đời Tống là một vị cổ Phật thị hiện trong thế gian, triệt ngộ nhất tâm, tu trọn vạn hạnh; mỗi ngày làm một trăm lễ tám Phật sự, đêm đi qua ngọn núi khác, đi Kinh hành niệm Phật. Ngài rất lo hậu

thế học nhân chẳng hiểu rõ tông yếu, nên riêng viết thành một bài kệ Tứ Liệu Giản ngộ hầu mọi người biết chỗ xu hướng.

Kệ rằng:

“Có Thiên, có Tịnh Độ,
 Khác nào hồ thêm sừng,
 Hiện tại làm thầy người
 Đòi sau làm Phật, Tổ.
 Không Thiên, có Tịnh Độ,
 Vạn tu, vạn cùng sanh,
 Nếu được thấy Di Đà,
 Lo gì chẳng khai ngộ.
 Có Thiên, không Tịnh Độ
 Mười người, chín chân chừ
 Âm cảnh nếu hiện tiền
 Chớp mắt đi theo nó.
 Không Thiên, không Tịnh Độ
 Giường sắt cùng cột đồng
 Muôn kiếp với ngàn đời
 Không một ai nương dựa”
 (Hữu Thiên, hữu Tịnh Độ,

Do như đởi giác hồ
 Hiện thể vi nhân sư
 Lai sanh tác Phật, Tổ.
 Vô Thiên, hữu Tịnh Độ,
 Vạn tu, vạn nhân khứ
 Nhược đắ kiến Di Đà,
 Hà sâu bất khai ngộ.
 Hữu Thiên, vô Tịnh Độ,
 Thập nhân, cửu ta lộ,
 Ấm cảnh nhược hiện tiền
 Miết nhĩ tùy tha khứ.
 Vô Thiên, vô Tịnh Độ,
 Thiết sàng tịnh đồng trụ,
 Vạn kiếp dữ thiên sanh,
 Một cá nhân y hồ

Tám mươi chữ này là cương yếu của cả một đời giáo hóa của Đức Như Lai, là khuôn mẫu huyền diệu để người học Phật liễu thoát ngay trong đời này. Trước tiên, học nhân cần phải hiểu rõ thế nào là Thiên? Thế nào là Tịnh Độ? Thế nào là có Thiên? Thế nào là có Tịnh Độ?

Thiền và Tịnh Độ là ước về Lý, về Giáo mà nói. “Có Thiền, có Tịnh Độ” là ước về cơ, ước về tu mà luận. Luận theo Lý, hai pháp trọn chẳng khác gì nhau. Xét về mặt Sự Tu, hai pháp khác nhau rất xa. Lời tuy tương tự, ý nghĩa thật bất đồng, cần phải rất chú ý thì mới chẳng cô phụ tấm lòng đau đáu của tổ Vĩnh Minh.

Gì là Thiền? Đấy chính là chơn như Phật tánh chúng ta sẵn có, nhà Thiền thường gọi là “bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra”. Tông môn chẳng nói trắng ra để người học tự tham cứu tìm hiểu lấy nên nói như thế. Thật sự, nó chính là tâm thể thuần chơn, không năng, không sở, ly niệm linh tri, tức tịch tức chiếu vậy (“Ly niệm linh tri” là trọn không có ý niệm suy lường nhưng hiểu rành rẽ tất cả cảnh tượng trước mắt).

Tịnh Độ tức tín nguyện trì danh, cầu sanh Tây Phương, chứ chẳng phải chỉ riêng nói đến “duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà”.

“Có Thiền” tức là cực lực tham cứu, niệm tịch, tình vong, thấy thấu suốt diện mục bản lai trước khi cha mẹ sanh ra, minh tâm kiến tánh. “Có Tịnh Độ” là thực sự phát Bồ Đề tâm, sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Nếu như tham thiền chưa ngộ, hoặc ngộ chưa triệt để thì đều chẳng được gọi là “có Thiền”. Nếu như niệm Phật nhưng thiên chấp duy tâm, không có tín - nguyện, hoặc có tín - nguyện nhưng chẳng thân thiết thì đều chẳng được gọi là “có Tịnh Độ”.

Thậm chí, tu Tịnh Độ nhưng tâm nghĩ đến trần lao, hoặc cầu phước báo nhân thiên, hoặc cầu đời sau xuất gia làm Tăng, nghe

một hiểu cả ngàn, đặc đại tổng trì, hoàng dương Phật pháp, giáo hóa chúng sanh cũng đều chẳng được gọi là “người tu Tịnh Độ” vì chẳng chịu theo đúng Kinh Giáo Tịnh Độ trong Phật pháp. Nếu tưởng lầm lấy việc thông đạt bác lãm giáo nghĩa làm chuẩn hòng đời sau chẳng mê sẽ được liễu thoát thì trong cả vạn người, khó được một, hai. Bị phước báo mê hoặc, từ mê vào mê, thật có lắm kẻ! Nếu thật sự hiểu sâu xa ý nghĩa này thì mới đúng là người tu Tịnh Độ. Chẳng hiểu đúng ý nghĩa, cứ thấy tham thiền bèn cho là “có Thiền”, thấy niệm Phật liền cho là “có Tịnh Độ”. Minh lầm, lầm người, há chẳng phải là tai hại cùng cực sao?

Ở đây, tôi đã thuyết mình thế nào là có hay không có Thiền, Tịnh; nay sẽ đem lời kệ, dựa theo từng đoạn mà phân tích thì quý vị mới thấy tám mươi chữ này khác nào trời bày đất đặt, không một chữ nào chẳng xác đáng, không một chữ nào thay đổi được nổi!

Bài kệ thứ nhất nói: “Có Thiền, có Tịnh Độ, khác nào hồ thêm sừng, hiện tại làm thầy người, đời sau làm Phật, Tổ”, nghĩa là: Người đã triệt ngộ Thiền Tông, minh tâm kiến tánh, lại còn thâm nhập Kinh Tạng, biết trọn vẹn các pháp môn quyền, thật của Như Lai, nhưng trong các pháp, lại chỉ chọn lấy một pháp “tín nguyện niệm Phật” để làm đường lối chung cho chánh hạnh tự lợi, lợi tha. Phần nói về Thượng Phẩm Thượng Sanh trong Quán Kinh: “Độc tụng Đại Thừa, hiểu Độ Nhất Nghĩa” chính là nói về hạng người này.

“Khác nào hồ thêm sừng” là người này song tu Thiền Tịnh, có đại trí huệ, có đại Thiền Định, có đại biện tài, tà ma ngoại đạo nghe danh vỡ mật, giống như hồ mọc thêm sừng, oai mãnh khôn sánh. Có kẻ nào đến học hỏi với mình sẽ tùy cơ thuyết pháp. Thấy nên dùng Thiền Tịnh Song Tu để tiếp độ thì dùng Thiền Tịnh Song Tu tiếp độ. Nên dùng Chuyên Tu Tịnh Độ để tiếp độ thì dùng Chuyên Tu Tịnh Độ tiếp độ. Chẳng luận là thượng, trung, hạ căn, không một ai là chẳng được lợi lạc. Người như vậy há chẳng phải là “nhân thiên đạo sư” ư? Đến lúc mạng chung, được Phật tiếp dẫn Vãng Sanh Thượng Phẩm, trong khoảng khảy ngón tay, hoa nở thấy Phật, chúng Vô Sanh Nhân, bết nhất cũng là bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo. Cũng có người đốn siêu địa vị, đạt lên Đăng Giác. Bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo đã có thể hiện thân làm Phật trong cả trăm cõi; huống hồ là những địa vị sau đó càng lên cao càng thù thắng hơn, tính thẳng đến địa vị thứ bốn mươi một là địa vị Đăng Giác thì càng thù thắng đến mực nào nữa?

Bài kệ thứ hai là: “Không Thiền, có Tịnh Độ, vạn tu, vạn cùng sanh, nếu được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ”. Nghĩa là: người ấy tuy chưa minh tâm kiến tánh, nhưng cứ quyết chí cầu sanh Tây Phương. Trong kiếp xưa, Phật từng phát đại thệ nguyện nhiếp thọ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu chúng sanh thật sự như con nhớ mẹ, chí thành niệm Phật thì cảm ứng đạo giao, liền được Phật tiếp thọ. Kẻ tận lực tu Định Huệ được Vãng Sanh đã đành mà kẻ ngu nghịch, thập ác lúc lâm chung bị sự khổ bức bách, phát tâm tâm quý lớn lao, xưng niệm Phật danh hoặc mười tiếng hoặc chỉ một tiếng rồi liền mạng chung, cũng đều

được hóa thân của Phật tiếp dẫn Vãng Sanh. Đây chẳng phải là “vạn tu, vạn người sanh” hay sao?

Tuy kẻ ấy niệm Phật chẳng bao lâu, nhưng do niệm Phật cực kỳ mãnh liệt nên đạt hiệu quả nhanh chóng như thế đó, chớ nên đem người niệm Phật hờ hững, lững lờ để so sánh dễ, khó! Đã sanh về Tây Phương, gặp Phật nghe pháp, tuy có nhanh, chậm bất đồng, nhưng đều cao đẳng dòng Thánh, vĩnh viễn chẳng thoái đọa. Tùy theo căn tánh sâu hay cạn sẽ hoặc dần dà hoặc nhanh chóng, chúng đạt các quả vị thì chuyện khai ngộ cần gì phải nói nữa, bởi thế mới bảo: “Nếu được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ”.

Bài kệ thứ ba là: “Có Thiên, không Tịnh Độ, mười người, chín chân chừ. Âm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó”. Do người ấy tuy triệt ngộ Thiên Tông, minh tâm kiến tánh, nhưng Kiến, Tư phiền não chẳng dễ đoạn trừ, cần phải qua bao duyên đào luyện khiến đoạn trừ sạch không còn sót; sau đây, phần đoạn sanh tử mới có thể xuất ly. Còn như kẻ chưa đoạn được mảy may nào ta chẳng cần bàn đến.

Tức là kẻ đoạn cho đến còn sót chút mảy may phiền não chưa thể đoạn sạch hết thì luân hồi sáu nẻo vẫn y như cũ, khó bề trốn tránh. Biển sanh tử sâu thăm thẳm, đường Bồ Đề xa vời vợi, còn chưa về được nhà thì khi mạng chung, trong mười người đại ngộ, tám chín người đã giống như thế. Vì thế, mới nói: “Mười người, chín chân chừ”. Chữ “ta lộ” ở đây nghĩa là “ta đà” tức là như lời tục thường nói là “chân chừ”.

“Ám cảnh” tức là lúc lâm chung, các cảnh tượng do nghiệp lực thiện, ác trong đời này và bao kiếp trước cùng hiện ra. Khi cảnh này hiện ra, chỉ trong nháy mắt, sẽ theo nghiệp lực thiện hay ác nào mạnh nhất đi thọ sanh trong đường thiện hay ác, chẳng thể tự chủ được mảy may, giống như người mắc nợ, chủ nợ nào mạnh nhất sẽ lôi đi trước. Tâm tình lăm mối, sẽ nghiêng lệch về chỗ nào tâm mình đặt nặng. Ngũ Tổ Diễn Giới tái sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại sanh làm Lỗ Công. Đấy đều là vì lẽ trên, nên nói: “Ám cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó”.

Chữ Âm (bộ Phụ) âm nghĩa giống chữ Âm (bộ Thảo), có nghĩa là “che đậy”. Do nghiệp lực này ngăn che nên chơn tánh chẳng thể tái hiện hiện. Chữ “miết” (bộ Mục) cùng âm với chữ “miết” (bộ Thủ), nghĩa là “chớp mắt”. Có kẻ cho rằng chữ “ta” nghĩa là làm lạc, “ám” là ngũ ám ma cảnh thì đều là vì chưa hiểu ý nghĩa chữ Thiên và chữ Có nên mới nói nhầm như thế. Lẽ đâu bậc đại ngộ đại triệt trong mười vị, hết tám chín người làm đường, lạc lối, làm theo cảnh ngũ ám ma mà đi, thấy ma phát cuồng ư? Phàm kẻ bị ma dựa phát cuồng thì là hạng tăng thượng mạn chẳng hiểu giáo lý, chẳng rõ tự tâm, tu mù luyện đui mà thôi. Sao chẳng biết tốt xấu, lại gán lý đó cho bậc đại triệt, đại ngộ vậy? Điều này quan hệ rất lớn, chẳng thể không biện bác rõ.

Bài kệ thứ tư là: “Không Thiên, không Tịnh Độ, giường sắt cùng cột đồng, muôn kiếp với ngàn đời, không một ai nương dựa”. Có người bảo “không Thiên, không Tịnh Độ” chính là kẻ vui đầu tạo ác nghiệp, chẳng tu thiện pháp. Đây cũng là điều làm lẫn lộn bởi pháp môn vô

lượng, nhưng chỉ có Thiên và Tịnh là phù hợp căn cơ nhất. Nếu ai đã chưa triệt ngộ, lại chẳng cầu sanh cứu hời hợt, hờ hững tu các pháp môn khác thì chẳng thể giữ cho Định, Huệ quân bình, đoạn hoặc, chứng chơn. Lại chẳng có duyên cậy vào Phật lực để đời nghiệp Vãng Sanh, do công đức cả một đời tu trì sẽ cảm lấy nhân thiên phước báo trong đời sau. Hiện tại đã không có chánh trí, đời sau ắt sẽ bị phước chuyển, đắm say theo đuôngũ dục, tạo đủ các nghiệp ác.

Đã tạo nghiệp ác sẽ khó tránh khỏi ác báo. Một hơi thở hít không vào nữa liền đọa địa ngục, rõ ràng là trải qua kiếp dài lâu, nằm lăn giường sắt, ôm ấp cột đồng để đền trả các món ác nghiệp tham thanh sắc, giết sanh mạng v.v... Chư Phật, Bồ Tát tuy rủ lòng từ mẫn, nhưng bị ác nghiệp chướng ngăn nên cũng chẳng được lợi ích gì. Thiên Sư Triệt Lưu đời Thanh bảo: “Người tu hành nếu không có chánh tín cầu sanh Tây Phương, tu đủ các điều thiện khác thì gọi là oan gia đời thứ ba”, chính là ngụ ý này. Bởi lẽ, đời này tu hành, đời sau hưởng phước; cậy phước làm ác ắt bị đọa lạc. Vui chỉ tạm được trong đời sau, khổ vĩnh viễn suốt kiếp. Giả như nghiệp địa ngục đã tiêu, lại chuyển sanh làm quỷ, súc. Muốn có được thân người càng khó hơn nữa! Bởi thế, đức Thích Ca dùng tay vít chút đất, hỏi Ngài A Nan rằng: “Đất trên tay nhiều hay đất trên đại địa nhiều?” A Nan thưa: “Đất trên đại địa nhiều”. Phật dạy: “Được thân người như đất trên tay; mất thân người như đất trên đại địa”. Câu “vạn kiếp và ngàn đời, không một ai nương dựa” là còn do âm vận bài kệ bó buộc nên chỉ nói thiển cận như vậy thôi.

Vĩnh Minh Thiền Sư sợ người đời chẳng hiểu được chơn nghĩa của Thiền - Tịnh, quán sát rõ ràng nên mới làm bài kệ này để giảng rõ. Có thể nói bài kệ này là chiếc bè báu để thoát bến mê, là người dẫn đường lìa đường hiểm, công lao rất lớn. Bởi lẽ, hết thầy pháp môn chuyên cậy vào tự lực, chỉ mỗi pháp môn Tịnh Độ kiêm nhờ Phật lực. Hết thầy pháp môn phải tiêu sạch hoặc nghiệp thì mới có thể liễu sanh tử; chỉ riêng mình pháp môn Tịnh Độ đời nghiệp Vãng Sanh, liền dựa vào dòng Thánh. Thế nhân chẳng xem xét, coi Tịnh Độ là hèn kém, thật đáng than lớn!

Hiện tại, người ta hay cho là khán thoại đầu là cách tu thích hợp nhất, cứ cho hễ lâm chung được chétan tường thì sẽ được liễu thoát. Nào hay đó chỉ là lời nói mớ của kẻ Chánh Nhãn chưa mở mà thôi. Ở đây, tôi dẫn ra mấy trường hợp làm chứng:

Vào khoảng đời Càn Long, Gia Khánh nhà Thanh, có ba vị Thiền tăng cùng tham thiền với nhau. Chết đi, một vị sanh tại Giang Tô, tên là Bành Uẩn Chương; một vị sanh ở Vân Nam, tên là Hà Quế Thanh; một vị sanh ở Thiểm Tây tên là Trương Phí. Trong ba người, chỉ ông Bành nhớ được chuyện kiếp trước. Sau lên Kinh Đô thi Hội, gặp hai người kia liền kể chuyện kiếp trước cùng làm Tăng. Hai người kia tuy không nhớ được việc cũ, nhưng vừa thấy ông Bành đã như gặp lại cố nhân, trở thành bạn thân thiết.

Vào thi Đình, ông Bành trúng Trạng Nguyên, ông Hà đậu Bảng Nhãn, ông Trương trúng Truyền Lô. Họ Bành sau từng làm Chủ Khảo, Học Đài, nhưng tham sắc quá, sau chết tại nhà. Họ Hà giữ chức Ché Đài

ở Nam Kinh. Giặc Hồng Dương nổi dậy, chiếm mất Nam Kinh, ông bị vua Thanh bắt tội chết. Ông Trương còn từng thư từ qua lại với vua Hàm Phong, dân Hồi Hồi muốn làm phản bèn giết phăng ông đi. Ba vị này chẳng thể coi là Tăng nhân bình thường, tiếc là chẳng biết cầu sanh Tây Phương, tuy được phước lớn nhưng hai người chẳng được chết yên lành. Ông Bành tham đắm nữ sắc, e trong đời sau chẳng được như đời này!

Lại nữa, tiên sinh Ngô Ân Chi ở Tô Châu, đậu Thám Hoa triều Thanh. Học vấn, tướng mạo, đạo đức đều hay cả. Năm Dân Quốc thứ mười (1921), đi triều bái Phổ Đà, gặp tôi, tự bảo: “Kiếp trước tôi là một vị hòa thượng ở Vân Nam”. Nhân vì khách đến dâng hương quá đông, chẳng rảnh rỗi nhiều để hỏi tường tận nguyên do. Năm Dân Quốc thứ mười một, tôi qua Dương Châu khắc in sách, đến ở nhà một người đệ tử tại Tô Châu, tôi liền dò hỏi về việc ấy, định bụng: Xưa kia vì chưa rõ nguồn cơn, nay muốn gặp ông ta để đàm luận, nhưng rồi hoàn toàn quên mất. Từ đó, chẳng qua lại với nhau nữa.

Đến năm Dân Quốc thứ 19 (1930), tôi bế quan tại chùa Báo Quốc, đến tháng Mười Một, ông ta cùng hai vị Lý Ân Tuyên, Lý Hiệp Hòa đến thăm, tôi hỏi: “Làm sao ông biết là kiếp trước mình là nhà sư ở Vân Nam?” Y bảo: “Năm hai mươi sáu tuổi, tôi nằm mộng đến một ngôi chùa kia, biết là chùa X. ở huyện X. thuộc tỉnh Vân Nam. Trông thấy hình trạng điện đường, phòng xá, cây cối rất quen, cũng thấy mình làm Tăng. Tỉnh dậy, nhớ rất rõ, ghi chép lại từng điều”. Sau đấy, một người bạn tôi đi làm quan ở Vân Nam (tiên sinh Trương Trọng Nhân còn chưa

biết tính danh ông này), đem đối chiếu những lời ông ta chép thì không sai lệch mảy may.

Tôi bảo: “Tiên sinh nay đã tám mươi tuổi, không còn được bao ngày nữa, hãy nên khôi phục sự nghiệp hòa thượng kiếp trước, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới chẳng phụ công khó tu trì đời trước!” Y đáp: “Niệm Phật có gì là hy kỳ?” Tôi nói: “Niệm Phật tuy chẳng phải là hy hữu, lạ lùng gì nhưng thế gian chẳng có mấy người chịu niệm, khinh là pháp chẳng hy kỳ. Khác nào ăn uống, toàn thế giới không một ai là chẳng phải ăn; đây là sự chẳng hy kỳ bậc nhất. Thế ra ông có cần phải ăn hay không vậy?”

Y chẳng đáp được, nhưng vẫn chẳng chịu là đúng, xoay qua hỏi hai ông Lý: “Các vị có niệm không?” Họ đáp: “Niệm chứ!” Y vẫn chẳng chịu lời, trọn không chịu niệm. Đến tối ngày 30 tháng Chạp, lúc sắp thắp đèn, ông ta qua đời, vừa tròn 80 tuổi. Vị này đời trước tu trì cũng hãn hữu nên đời này mới cảm được công danh, thọ mạng lớn, nhưng đời này chỉ giữ trọn luân thường, nhưng chẳng còn tin vào Phật pháp nữa, há chẳng phải là đáng xót lắm sao?

Cả bốn vị trên chưa ai chứng đắc, mà dù có sở chứng đi nữa, nhưng nếu chưa đoạn hết phiền hoặc thì vẫn chẳng tự khó xuất ly sanh tử được! Thậm chí như Thiên Sư Viên Trạch đời Đường, biết được chuyện quá khứ, vị lai, nhưng vẫn không thoát được, huống hồ là kẻ chỉ được chết an tường lại có thể liễu kết sanh tử nổi sao?

Cha ông Lý Nguyên đời Đường, trấn thủ Đông Đô bị An Lộc Sơn làm phản, giết chết. Lý Nguyên bèn nguyện chẳng làm quan, biến căn nhà của mình ở Lạc Dương thành chùa Huệ Lâm, thỉnh Viên Trạch làm Hòa Thượng; Lý Nguyên cũng tu hành ngay tại đây. Qua mấy năm, Lý Nguyên muốn triều bái Nga Mi, mời Viên Trạch cùng đi. Viên Trạch muốn đi theo đường Thiểm Tây, nhưng Lý Nguyên chẳng muốn đến Kinh đô nên nhất định theo đường thủy Kinh Châu. Viên Trạch đã tự biết mình chẳng trở về được nên liền dặn dò hậu sự, mỗi mỗi đều rành rẽ; rồi chẳng phản bác về lộ trình nữa, cùng Lý Nguyên ngồi thuyền đi.

Thuyền bơi đến thượng du Kinh Châu, sắp gần đến Giáp Sơn, thế nước chảy xiết, chưa đến tới đã phải cắm thuyền. Chợt có một người đàn bà mặc quần gấm, kéo nước bên sông. Viên Trạch vừa trông thấy, hai mắt ứa lệ. Lý Nguyên hỏi nguyên do, Viên Trạch đáp: “Ta chẳng chịu đi theo đường này là vì sợ bà ta. Bà ta mang thai đã ba năm, chờ ta sanh làm con. Chẳng thấy bà ta còn có thể trốn lánh, chứ nay đã thấy, không cách nào không làm con bà ta được! Ông nên tụng chú, giúp ta mau sanh. Đến ngày thứ ba, hãy đến nhà thăm ta. Ta trông thấy ông, cười một tiếng làm tin. Mười hai năm sau, đêm Rằm tháng Tám, đến bên bờ giếng Cát Hồng tại Thiên Trúc ở Hàng Châu gặp ta”. Nói xong, Viên Trạch tọa thoát. Bà nọ liền sanh con. Ngày thứ ba, Lý Nguyên đến thăm, đưa bé liền cười.

Sau đây, Lý Nguyên quay về Huệ Lâm, thấy trong quyển Kinh đã viết sẵn lời dự ngôn về hậu sự, càng thêm tin Sư Viên Trạch chẳng phải là kẻ thường nhân. Mười hai năm sau, Lý Nguyên đến Hàng Châu. Tới

đêm Rằm tháng Tám, ông đến chỗ ước hẹn chờ đợi; chợt thấy bên sông có đứa bé trai chần trâu, ngồi vắt vẻo trên lưng trâu, dùng roi gõ sừng trâu, xướng:

Tam sinh thạch thượng cự tinh hồn,

Thượng nguyệt, ngâm phong bất yếu luân.

Tâm quý cố nhân viễn tương phỏng,

Thử thân tuy dị tánh thường tồn.

(Trên đá ba sinh, vẫn nguyên hồn

Ngâm gió, thượng trăng lọ phải bàn

Thẹn thấy cố nhân tìm đến gặp

Thân này tuy khác, tánh thường còn).

Lý Nguyên nghe xong bèn đến chào hỏi. Hàn huyên xong xuôi, đưa bé lại đọc:

Thân tiên, thân hậu sự mang mang,

Dục thoại nhân duyên khủng đoạn tràng

Ngô, Việt giang sơn du dĩ biến

Khước hồi yên trạo thượng cù đường

(Thân trước, thân sau sự vẫn vương

Bàn chuyện nhân duyên luống đoạn trường

Ngô, Việt giang sơn chơi khắp cả,

Gác chèo mây khói, ần ao chuôm)

Rồi ruồi trâu đi mất.

Các vị thử nghĩ xem, Sư đã phân thân đến như thế mà còn chưa thoát được, huống hồ là những kẻ chỉ mới lãnh hội được câu thoại đầu, được chết an lành mà hồng được giải thoát ư? Cậy vào tự lực để thoát sanh tử khó khăn như thế đó; cậy vào Phật lực để thoát sanh tử dễ dàng như thế đó; vậy mà thế nhân vẫn cứ cậy vào tự lực, buông bỏ Phật lực. Họ đúng là những kẻ chưa hiểu rõ lẽ mầu nhiệm, nên mới bị hai câu nói sau đây lung lạc, nghĩa là bị hai câu: “Ta là hạng người bậc thượng, chẳng chịu làm chuyện tầm thường, không hy kỳ” làm chướng ngại kiến giải vậy.

Xin hết thảy mọi người hãy suy nghĩ chín chắn sự việc của năm người vừa thuật trên rồi tự lợi, lợi tha, sốt sắng tu Tịnh Nghiệp như lo chôn cất cha mẹ, như cứu đầu cháy thì mới khỏi luống uổng đời này và duyên hội ngộ này.

V. NGÀY THỨ NĂM

*** GIẢI THÍCH SƠ LƯỢC VỀ GIÁO NGHĨA LỤC TỨC CỦA TÔNG THIÊN THAI, KIÊM GIẢNG VỀ VIỆC ĂN CHAY, PHÓNG SANH**

Pháp môn Tịnh Độ lợi khắp ba căn, thâu tóm lợi căn lẫn độn căn, chí viên, chí đốn, đúng là pháp môn duy nhất vô thượng trong thời này. Nhưng con người hiện tại, có kẻ tự cao, tự đại bảo: “Chúng sanh tức là Phật thì ta chính là Phật, sao lại phải niệm Phật?”, kẻ thì lại cho rằng: “Ta đã là phàm phu khổ não, lo gấp thoát sanh tử làm gì, chỉ cầu kiếp sau chẳng mất thân người là được rồi!” Hai hạng người này đều chẳng hiểu rõ nhân quả vậy. Bởi thế, hôm nay tôi lại giảng về nhân quả.

Các vị phải biết câu: “Chúng sanh tức là Phật” chỉ cho cái nhân chân thật là Phật tánh sẵn có đủ. Nếu chẳng tu diệu hạnh Niệm Phật thì Phật tánh không cách nào hiển hiện, làm sao giải thoát sanh tử, thành tựu thật quả Phật đạo được? Ví như gương báu đóng bụi, quang minh chẳng hiện, chứ thật chẳng mất mảy may. Nếu chịu ra sức lau chùi, mài giũa thì lại chiếu soi hết thảy. Còn như lời lẽ: “Ta là phàm phu khổ não, chẳng thể Vãng Sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, cho đến thành Phật” thì lại chính là lời lẽ của kẻ nghiệp chướng sâu nặng, cam bề đọa lạc.

Nay người đời mãi lo bon chen, tranh chấp, chẳng hề đoái hoài chuyện sanh tử, chẳng biết là bao nhiêu. Nếu họ có thể dụng công tu hành niệm Phật khó nhọc như thế thì lo gì chẳng được Vãng Sanh Tây Phương, thượng chứng Phật quả! Bởi lẽ, Phật vốn chỉ là một chúng sanh tu trì, chứng đắc Phật quả mà thôi.

Trong cuốn Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, Thiên Thai Trí Giả Đại Sư đời Tùy đã lập ra giáo nghĩa Lục Tức Phật để đối trị gốc bệnh cam

bề đọa lạc và bệnh tự tôn, tự đại sai lầm. Giáo thuyết ấy rất tinh xác, kẻ học Phật chẳng thể không biết đến.

“Lục tức Phật” là: một là lý tức Phật, hai là danh tự tức Phật, ba là quán hạnh tức Phật, bốn là tương tự tức Phật, năm là phần chứng tức Phật, sáu là cứu cánh tức Phật. “Lục”: minh thị thứ lớp sâu cạn, “tức”: chỉ rõ ngay nơi thể chính là Phật. Ví như trẻ sơ sanh hình thể chẳng khác gì cha mẹ, nhưng sức lực khác biệt rất xa. Bởi thế, chẳng thể bảo đứa bé con ấy chẳng phải là người, nhưng cũng chẳng thể vội bảo nó gánh vác chuyện của người đã trưởng thành được. Nếu biết rõ “tuy sáu mà thường tức” thì chẳng sẽ chẳng lui sụt, khiếp nhược. Nếu hiểu “tuy tức mà thường sáu” sẽ chẳng sanh lòng tăng thượng mạn, từ đó, nỗ lực tu trì, sẽ từ phạm phu mà viên chứng Phật quả, do “lý tức Phật” mà thành “cứu cánh tức Phật” vậy.

1 “LÝ TỨC PHẬT”:

Là hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh. Tuy trái phản Chánh Giác, xuôi theo trần lao, luân hồi Tam Đồ, Lục Đạo, nhưng Phật tánh công đức vẫn tự đầy đủ, cho nên gọi là “lý tức Phật”, coi lý thể của tâm tức là Phật vậy. Ông Vô Cơ Tử làm bài tụng rằng:

Động, tịnh lý toàn thị

Hành, tàng sự tận phi,

Minh minh tùy vật khứ,

Yêu yếu bất tri quy
(Động, tịnh vốn toàn lý,
Hành, tàng chẳng trúng gì,
Tối tăm theo đuổi vật,
Mờ mịt chẳng biết về)

Đấy là vì hết thấy chúng sanh tuy chưa nghe Phật pháp, chẳng biết tu trì, nhưng nhất niệm tâm thể vẫn hoàn toàn giống như Phật. Vì thế mới bảo là: “Động, tịnh vốn toàn lý”. Do mê làm tự tâm, tạo các sự nghiệp nên mới bảo “Hành, tàng chẳng trúng gì” (Hành là hoạt động, tàng là ở yên), vì mọi việc làm đều chẳng xứng với Phật tánh. Quanh năm, suốt tháng, tối tăm, mờ mịt ruổi theo vật dục, phiền não vọng tưởng, từ sống đến chết chẳng hề biết phản chiếu hồi quang, nên bảo là: “Tối tăm theo đuổi vật, mờ mịt chẳng biết về”.

2. “DANH TỰ TỨC PHẬT”:

Là do nghe từ thiện tri thức, hoặc từ Kinh Điển mà biết rằng tâm vốn sẵn đủ, tịch chiếu viên dung, Phật tánh bất sanh, bất diệt. Về phương diện danh tự, thông đạt, hiểu rõ, biết hết thấy Phật pháp đều là Phật pháp, hết thấy chúng sanh đều có thể thành Phật. Đó chính là: nghe danh tự Phật tánh liền hiểu rõ, thông đạt Phật pháp. Kệ tụng rằng:

Phương thính vô sanh khúc,

Thĩ văn bất tử ca,
 Kim tri đương thể thị
 Phiên hận tự ta đà.
 (Vừa lắng khúc vô sanh,
 Thoảng nghe bài bất diệt,
 Liền biết ngay đương thể,
 Tiếc đã trót lần khôn)

Ý nói: Từ trước đến nay chỉ biết sanh tử luân hồi không lúc nào kết thúc; nay mới biết Phật tánh chơn thường, bất sanh, bất diệt, đã biết đương thể chính là nhân chân chánh để thành Phật liền gấp gấp tu trì, chỉ hận từ trước đến nay mình bỏ uổng quang âm đến nỗi đến hiện giờ vẫn chưa thể sớm chứng Thật Quả được!

3. “QUÁN HẠNH TỨC PHẬT”:

- Là y giáo tu Quán, tức là địa vị ngoại phạm Ngũ Phẩm trong Viên Giáo. Ngũ Phẩm là:

- Tùy Hỷ Phẩm: nghe pháp Thật Tướng, tín giải, tùy hỷ.
- Độc Tụng Phẩm: đọc tụng Kinh Pháp Hoa và các Kinh Diệu Đại Thừa để hỗ trợ quán hạnh, hiểu biết.
- Giảng Thuyết Phẩm: Tự nói những điều mình tự chứng hiểu (nội giải) để chỉ dạy, dắt dẫn làm lợi cho tha nhân.

- Kiêm Hành Lục Độ Phẩm: Kiêm tu Lục Độ để hỗ trợ quán tâm.

- Chánh Hành Lục Độ Phẩm: Chánh hành Lục Độ, tự mình hành, dạy người khác hành, đầy đủ cả Sự lẫn Lý. Quán Hạnh càng thêm thù thắng.

Kệ tụng rằng:

Niệm niệm chiếu thường lý

Tâm tâm tức huyễn trần

Biến quán chư pháp tánh

Vô giả diệt vô chân.

(Niệm niệm chiếu thường lý,

Tâm tâm bất huyễn trần

Quán khắp các pháp tánh,

Nào còn giả cùng chân)

Đã viên ngộ Phật tánh, y giáo tu Quán để đối trị phiền não tập khí nên bảo là: “Niệm niệm chiếu thường lý, tâm tâm bất huyễn trần”. Hiểu rõ một sắc, một hương không thứ gì chẳng phải là Trung Đạo; hết thấy các pháp không pháp nào chẳng phải là Phật pháp. Hết thấy chúng sanh đều sẽ thành Phật cho nên nói: “Quán khắp các pháp tánh, nào còn giả cùng chân”.

4. “TƯƠNG TỰ TỨC PHẬT”:

Là tương tự giải ngộ, khai phát, tức là địa vị Nội Phàm thuộc Thập Tín trong Viên Giáo. Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc, Thất Tín đoạn Tư Hoặc; Bát, Cửu, Thập, Tín đoạn Trần Sa Hoặc. Kệ tụng rằng:

Tứ Trụ tuy tiên thoát,

Lục trần vị tận không

Nhãn trung do hữu ế

Không lý kiến hoa hồng

(Trước đã thoát Tứ Trụ,

Nhưng lục trần chưa không,

Mắt vẫn còn màng mộng

Thấy hoa đóm trên không)

Tứ Trụ là:

- Kiến Nhất Thiết Trụ Địa chính là Kiến Hoặc trong Tam Giới.
- Dục Ái Trụ Địa chính là Tư Hoặc trong Dục Giới.
- Sắc Ái Trụ Địa tức là Tư Hoặc trong Sắc Giới.
- Hữu Ái Trụ Địa tức là Tư Hoặc trong Vô Sắc Giới.

Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc, Thất Tín đoạn Tư Hoặc nên bảo là: “Trước đã thoát Tứ Trụ”. Nhưng do tập khí sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp vẫn còn, chưa đoạn sạch nên bảo là: “Nhưng lục trần chưa không”. Đây là luận về địa vị Thất Tín, chứ Bát, Cửu, Thập Tín đã phá được Trần Sa Hoặc nên tập khí đã hoàn toàn hết sạch. Tập khí là những dư âm của các

Hoặc Chướng. Giống như cái mâm đựng thịt đã rửa sạch, nhưng vẫn còn có mùi hôi; bình đựng rượu tuy đã súc kỹ vẫn còn có mùi rượu. “Mắt vẫn còn màng mộng, thấy hoa đóm trên không” là: Vì chưa phá Vô Minh nên chưa thể thấy được bản thể của Pháp Giới.

5 “PHẦN CHỨNG TỨC PHẬT”:

Là Thập Tín hậu tâm. Phá một phần Vô Minh, chứng một phần Tam Đức nên gọi là “phần chứng tức Phật”. Là vì với bốn mươi hai phẩm Vô Minh, Sơ Trụ phá được một phần; cho đến Thập Trụ phá được mười phần. Từ các địa vị Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa cho đến Đẳng Giác lần lượt phá được bốn mươi một phần. Bậc Sơ Trụ có thể hiện thân làm Phật trong thế giới không có Phật, lại còn tùy loại hiện thân độ thoát chúng sanh. Thần thông đạo lực của bậc này đã chẳng thể nghĩ bàn, hướng hồ là càng lên mỗi địa vị trên càng thù thắng hơn nữa, nhất là địa vị thứ bốn mươi một là Đẳng Giác Bồ Tát? Kệ tụng rằng:

Khoát nhĩ tâm khai ngộ

Trạm nhiên nhất thiết thông

Cùng nguyên do vị tận

Thượng kiến nguyệt môn lung

(Đột nhiên tâm khai ngộ,

Lặng trong hết thảy thông,

Vẫn chưa thông tận gốc

Còn thấy nguyệt mông lung)

“Đột nhiên tâm khai ngộ, lặng trong hết thấy thông” là nói về cảnh tượng chứng ngộ đôi phần, phá được vô minh đôi phần. “Vẫn chưa thông tận gốc, còn thấy nguyệt mông lung” ý nói còn bị mây vô minh che lấp nên chưa thể thấy thấu tột ánh sáng của vầng trăng thiên chơn trong tự tánh.

6. “CỨU CÁNH THÀNH PHẬT”:

Là từ Đẳng Giác lại phá một phần Vô Minh nên thấu đạt tột cùng Chơn Tánh, đoạn sạch Hoặc Chướng, phước huệ viên mãn, chứng ngộ triệt để Chơn Như Phật Tánh sẵn có ngay trong tâm mình, đạt địa vị Diệu Giác, thành Vô Thượng Bồ Đề đạo. Kệ tụng rằng:

Tùng lai chơn thị vọng

Kim nhật vọng giai chơn

Đản phục bản thời tánh

Cánh vô nhất pháp tân.

(Tùng trước, chơn là vọng

Hôm nay, vọng là chơn,

Chỉ khôi phục bản tánh

Có pháp nào mới đâu?)

“Từ trước chơn là vọng” nghĩa là trước khi chứng ngộ tuy thấy Ngũ Uẩn này đều là không, nhưng lầm sanh chấp trước khiến cho Sắc Pháp, Tâm Pháp thành lập đến nỗi khổ ách theo đó sanh ra. Sau khi đã ngộ rồi, tuy vẫn thấy Ngũ Uẩn này, nhưng toàn thể đều là một Chơn Như, trọn chẳng có tướng Sắc, Tâm, Ngũ Uẩn. Vì thế, bảo là: “Hôm nay, vọng là chơn”. Nhưng sở chứng ấy nào phải là điều gì mới mẻ, chẳng qua là phục hồi lại Chơn Như Phật Tánh sẵn có đó thôi, vì thế bảo: “Chỉ khôi phục bản tánh, có pháp nào mới đâu?”

Lại nữa, chúng sanh còn mê thì thấy Phật, Bồ Tát và hết thấy chúng sanh đều là chúng sanh cho nên hủy báng Phật pháp, sát hại chúng sanh, chẳng biết là tội lỗi, trái lại còn coi đó là vui. Đức Phật đã triệt ngộ tâm, chứng tâm “tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai biệt”, thấy hết thấy chúng sanh và Phật chẳng hai. Vì thế đều vì kẻ oán, người thân thuyết pháp khiến cho được độ thoát; dẫu là kẻ cực kỳ ác nghịch bất tín, tâm Phật cũng không hề có một niệm buông bỏ vì Phật thấy kẻ đó chính là vị Phật chưa thành vậy.

Sáng hôm nay, ông Hoàng Hàm bảo tôi: “Pháp Sư Viên Anh nói đạo tràng sắp viên mãn. Ngày hoàn mãn sẽ cử hành phóng sanh. Đến ngày 16 sẽ nói về Tam Quy, Ngũ Giới”, xin tôi vì đại chúng giảng đại ý việc phóng sanh và thọ Tam Quy, Ngũ Giới ngõ hầu mong đại chúng cùng phát tâm lợi vật, lợi người. Bởi thế, bây giờ tôi sẽ riêng tuyên giảng.

Pháp Hội này vốn là Pháp Hội Hộ Quốc Tức Tai. Nếu suy xét đến tận cùng nguyên do phát khởi tai nạn thì đa phần là vì sát sanh, ăn thịt mà ra. Vì thế, muốn ngưng dứt sát kiếp, phải bắt đầu từ việc kiêng giết chóc, ăn chay, bảo vệ, tiếc thương sanh mạng loài vật và chuộc mạng loài vật. Mọi người ai nấy phải nên phát tâm giữ gìn, thương tiếc sanh mạng loài vật. “Muốn biết binh đao trong cõi thế, lò mổ xin nghe tiếng nửa đêm” Hãy giữ hai câu ấy làm lời răn nhắc, tận lực cảnh tỉnh, kiêng dè.

Ý nghĩa của việc phóng sanh là khiến cho mọi người phát tâm giữ gìn sanh mạng. Chính mình đã phóng sanh, đương nhiên sẽ chẳng sát sanh nữa. Chính mình đã chẳng phóng sanh, trông thấy người khác phóng sanh, lẽ nào còn nỡ sát sanh? Nếu ai nấy giữ gìn, thương tiếc sanh mạng, chẳng tàn hại nữa thì loài vật còn chẳng nỡ giết, huống hồ là giết người? Tự nhiên trừ được sát kiếp, chuyển được vận nước. Nhưng đời vẫn có kẻ một mặt bỏ tiền phóng sanh, một mặt vẫn sát sanh, ăn thịt như thường. Như vậy dù có chút công đức phóng sanh, vẫn e khó địch nổi tội lỗi sát sanh lớn lao!

Hiện Pháp Hội này dự định ngày viên mãn sẽ cử hành phóng sanh, xin các vị phát tâm quyên trợ, tự lợi, lợi vật, công đức chẳng thể nghĩ bàn. Cho đến ngày kế đó, đệ tử quy y có cúng dường chi, Án Quang tôi quyết định dùng hết vào việc ngăn ngừa tai nạn, trọn chẳng để dùng một đồng nào! Bởi lẽ, tôi là một ông Tăng trợ trợ, vốn đã không có chùa miếu, lại cũng chẳng có đồ đệ, trừ thức ăn, quần áo ra, có giữ tiền cũng vô dụng! Mai kia mạng chung, sau khi

hỏa thiêu, đem tro rải xuống biển là hết chuyện, cũng chẳng cần phải tạo tháp và làm bất cứ hình thức kỷ niệm nào.

Ngay cả việc quy y đây, từ đầu tôi vốn chẳng thuận, nhưng bởi cư sĩ Khuất Văn Lục và pháp Sư Viên Anh đốc thỉnh, viện lễ các vị phát tâm cầu pháp tình ý ân cần, vì thỏa mãn ý nguyện của họ, chẳng thể khước từ, nên đành chấp thuận. Tôi vốn xem nhẹ tiền bạc, chẳng giống những người khác, mỗi tên đệ tử phải xuất tiền “huơng kính” bao nhiêu đó mới chuẩn bị cho quy y. Tôi thì không tiền cũng quy y được, chỉ cần thành kính tu trì mà thôi. Bởi lẽ, chẳng thể coi chuyện quy y như chuyện mua bán, cần phải ra giá bao nhiêu đó mới mua được danh mục quy y! Như thế thì mới là tín đồ chơn thật quy y Tam Bảo, mới có thể đạt đại lợi ích liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập Thánh.

VI. NGÀY THỨ SÁU

*** DỪNG CHƠN ĐẾ VÀ TỤC ĐẾ ĐỂ PHÁT TRỪ KIẾN CHẤP VÀ TRẦN THUẬT NHỮNG CHUYỆN LINH CẢM TRONG THỜI CẬN ĐẠI**

Thế nhân chấp không, chấp có, vọng sanh kiến giải nên mê muội chẳng giác ngộ. Thế Tôn lập ra giáo pháp, muốn cho chúng sanh phá trừ hai kiến chấp ấy nên đặc biệt bày ra một pháp môn Niệm Phật, mong chúng sanh từ Hữu chứng ngộ được Không, dẫu đắc Không nhưng chẳng

phế Hữu thì hai pháp Hữu - Không sẽ hỗ trợ nhau, được lợi ích lớn lao, huông hồ là kiêm nhờ nguyện lực của Phật Di Đà. Vì thế, lực dụng của pháp môn Niệm Phật siêu xuất hết thảy pháp môn, làm chỗ quy túc cho hết thảy các pháp môn.

Trong đời có một hạng người tri kiến hèn kém, nghe nói đến chuyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương bèn bảo: “Chúng ta là hạng nghiệp lực phàm phu, làm sao dám vọng cầu Vãng Sanh Tây Phương? Chỉ cầu chẳng mất thân người là đủ lắm rồi”. Vương lấy mỗi tri kiến này là do chẳng biết tâm tánh của chúng sanh và tâm tánh của chư Phật hết như nhau, chẳng hai. Bất quá, chư Phật tu đức đến cùng cực nên tánh đức hiển hiện trọn vẹn, còn chúng sanh dẫu đủ tánh đức nhưng chưa thể tu đức, dẫu có tu tập nhưng lắm kẻ vì tu hành trái nghịch với tánh, nên ngược lại, càng thêm mê muội.

Lại có một hạng người tri kiến cuồng vọng. Dạy họ niệm Phật, họ liền bảo: “Ta đã là Phật, cần gì phải niệm Phật? Các người chẳng biết mình chính là Phật thì niệm Phật cũng chẳng hề gì. Ta đã biết mình chính là Phật thì cần gì phải trên đầu lại chông thêm một cái đầu khác nữa chứ!” Thứ tri kiến này là do chỉ biết đến vị Phật thuộc về Phật tánh sẵn có ngay trong tâm, nhưng chưa biết đến vị Phật đã đoạn sạch phiền hoặc, viên mãn phước huệ. Hạng người này nếu đã biết tánh, tu, Lý, Sự đều chẳng thể thiên chấp, cực lực tu hành tịnh hạnh thì sẽ vượt xa hạng người tri kiến hèn kém. Nếu chẳng vậy, sẽ tự làm, làm người, sẽ vĩnh viễn đọa trong A Tỳ địa ngục, trọn không có kỳ ra.

Đối với những hiểu biết lầm lạc chấp không, chấp có, kiến giải hèn kém và kiến giải lầm lạc cuồng vọng này, chỉ có mỗi pháp Niệm Phật là dễ đối trị nhất. “Tâm này làm Phật, tâm này là Phật”. Nếu chẳng chịu làm Phật thì chẳng thể là Phật được. Hai câu Kinh này chính là Vô Thượng Diệu Pháp để phá trừ kiến chấp hèn kém và kiến giải cuồng vọng.

Luận Phật pháp đại nghĩa đến rốt ráo thì chẳng ngoài Chơn Đế và Tục Đế. Chơn Đế: một pháp chẳng lập, là thực thể được thấy biết bởi Thánh Trí. Tục Đế phô bày trọn vẹn vạn hạnh, chính là hành tướng được tu trong pháp môn (chữ Tục ở đây nghĩa là tạo dựng, kiến lập, chứ đừng hiểu là thế tục, tục tằn). Người học Phật phải viên dung Chơn và Tục, hành trọn Nhất Đạo. Bởi lẽ, vì một pháp chẳng lập nên mới có thể tu đạo phô bày trọn vẹn vạn hạnh. Vạn hạnh được phô bày trọn vẹn thì mới hiển hiện được bản thể một pháp chẳng lập.

Ở đây, để dễ hiểu, tôi nói một thí dụ. Bản thể của Chơn Như Pháp Tánh ví như tấm gương quý báu tròn lớn, rộng rộng rang rang, trọn không có một vật, thể mà người Hồ đến thì bóng người Hồ hiện, người Hán đến ắt bóng người Hán hiện. Hồ, Hán cùng đến một lúc thì cùng lúc hiện bóng. Chánh đáng rộng rang, trống lỗng, trọn không có một vật, chẳng trở ngại gì chuyện người Hồ đến, bóng người Hồ hiện; kẻ Hán đến, bóng kẻ Hán hiện. Ngay cả khi người Hồ đến soi bóng người Hồ, người Hán đến soi bóng người Hán, gương vẫn rộng rang, trống lỗng, trọn không có một vật.

Thiền Tông đặt nặng Chơn Đế, tức là ngay chỗ “vạn hạnh phô bày trọn vẹn” chỉ ngay ra “một pháp chẳng lập”. Tịnh tông chú trọng Tục Đế, tức là ngay nơi “một pháp chẳng lập”, chỉ ra chuyện “vạn hạnh phô bày trọn vẹn”. Bậc trí hiểu rõ Lý sẽ tự chẳng thiên chấp. Nếu không vậy, thà chấp Có còn hơn là chấp Không! Bởi lẽ, nếu chấp Có dẫu chưa viên ngộ Phật tánh vẫn còn có công tu trì; chứ chấp Không sẽ bác không nhân quả, thành ra kiến chấp Đoạn Diệt, hoại loạn Phật pháp, lầm lạc chúng sanh, họa ấy rất lớn, chẳng thể ví dụ nổi!

Chúng ta niệm Phật trước hết phải từ hữu niệm mà khởi. Niệm đến lúc niệm lặng, tình vong ắt không những đã không có Ta là người niệm, mà cũng không có Đức Phật để mình niệm, nhưng từng câu, từng chữ vẫn rành rẽ, phân minh, chẳng lầm, chẳng loạn, tức là như thường nói: “Niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm” vậy.

“Niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm” nghĩa là ngay trong lúc đang niệm Phật, trọn chẳng có ý niệm khởi tâm niệm Phật, tuy không có ý niệm khởi tâm niệm Phật nhưng lại niệm rành rẽ, phân minh, liên tục. Nhưng công phu này chẳng phải là điều hạng sơ tâm mong gặp đạt được nổi! Nếu chưa đạt đến mức “vô niệm mà niệm” thì chẳng thể coi chuyện hữu niệm là Sự được, khác nào phá nhà để tìm lấy chỗ trống không! Cái Không ấy quyết chẳng phải là chỗ để an thân lập mạng được!

Các bậc Cổ Thiên đức, có nhiều vị lễ bái, trì tụng chẳng tiếc thân mạng, như cứu đầu cháy. Vì thế, Vĩnh Minh Diên Thọ Thiền Sư ngày làm 108 Phật sự, đêm đi qua ngọn núi khác, đi Kinh hành niệm Phật;

huống hồ là kẻ hậu học chẳng trọng Sự Tu, mà lại hòng thành tựu được đạo nghiệp hay sao? Muốn triệt ngộ được lý thể “một pháp chẳng lập” thì phải tận lực tu hành công năng “vạn pháp viên tu”; có thể mới là Trung Đạo Không Hữu viên dung!

Kẻ chấp vào Không Giải Thoát, cứ cho chẳng tu một pháp nào hết mới là “một pháp chẳng lập” chính là hạng người chur Phật gọi là “đáng thương xót”. Liên Trì Đại Sư dạy: “Chấp sự mà niệm, giữ cho liên tục thì sẽ chẳng luống uổng công, được nhập vào phẩm vị Vãng Sanh. Chấp lý nhưng tâm chưa thật sự thông đạt, khó tránh nổi cái họa đọa lạc. Bởi lẽ, Sự có công năng dẫn nhập Lý, Lý chẳng thể tồn tại độc lập”.

Vì thế, chúng ta học Phật phải do chính ngay nơi Sự để thành Lý, do chính ngay nơi Lý để thành Sự. Lý - Sự viên dung, Có - Không bất nhị thì mới có thể viên thành tam muội, liễu thoát sanh tử. Nếu tự cho mình chính là Phật, chấp Lý, phê Sự sẽ sai lầm rất nặng. Vì thế hãy nên tận lực dụng công tu trì, nhất tâm niệm Phật, từ Sự hiển Lý, dẫn hiển Lý vẫn chú trọng nơi Sự mới có sở đắc được.

Ngay như hàng Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn phải dùng mười đại nguyện vương hồi hướng Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới hầu mong viên thành Phật Quả. Nay đã là phàm phu chẳng biết tự lượng, làm coi niệm Phật là Tiểu Thừa, chẳng đáng để tu trì, tương lai có khỏi phải vào A Tỳ được chẳng?

Vả nữa, người niệm Phật cần phải tận hết bốn phận mình, chẳng trái nghịch luân lý thế gian, dốc sức gìn giữ nhân luân, tận hết bốn phận, ngăn cấm điều tà, gìn giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Nếu chẳng hiếu với cha mẹ, chẳng dạy dỗ con cái thì đúng là tội nhân trong Phật pháp. Như vậy mà muốn được Phật cảm ứng gia bị trọn chẳng có lẽ nào! Vì thế, người học Phật phải là cha lành, con hiếu, anh hiền, em kính, tự lập mình, lại chu toàn cho người, tự lợi, lợi tha. Ai nấy tận hết bốn phận mình, dùng chính thân mình đốc suất người khác, rộng tu Lục Độ, vạn hạnh, để làm gương mẫu nhân từ. Phải biết rằng hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sĩ cũng thuộc vào Lục Độ vạn hạnh.

Người chẳng tin Phật trong thế gian giống như người mang cặp kính màu xem xét vạn vật, thấy là xanh hoặc đỏ là do kính khác màu mà ra, chẳng thấy được bản sắc của sự vật. Vì thế, người học Phật chúng ta chớ có chấp vào kiến giải của chính mình. Nếu chấp vào kiến giải chính mình, ngòi đáy giếng nhìn trời, một mai Diêm La đòi mạng mới hay trước đây mình đã sai lầm, có hối cũng chẳng kịp.

Hiện tại, cõi thế rối bời, xã hội loạn lạc, thiên tai, nhân họa sanh khởi trùng trùng. Muốn tính chuyện cứu vãn, ai nấy phải tận lực gìn giữ nhân luân, tận hết bốn phận, hiếu dưỡng cha mẹ, thương yêu trẻ nhỏ, đại công vô tư, yêu người như yêu chính mình thì mới hòng cứu vãn nổi. Nếu nhân tâm thật có thể bình hòa thì thế giới sẽ tự an, quốc nạn sẽ tự dứt.

Hiện tại, mỗi họa hoạn lớn nhất là con người ôm lòng riêng tư. Lòng riêng tư đến cùng cực thì sẽ chỉ còn biết đến mình, chẳng đoái hoài tới ai khác. Tư ngụy, dối trá, âm độc, hiểm ác, mặc lòng tàn khốc, xâu xé, áp bức, không gì là chẳng làm đến mức kịch liệt; thế giới này trở thành cõi đời La Sát. Rốt cuộc cũng đến nổi trời giận, người oán, thân nát, nhà tan mà thôi.

Thế nhân ham thích cảnh thịnh trị rạng ngời, rục rỡ, thiên hạ thái bình thời Đường Ngu, cứ than thở thói đời hiện tại suy đồi, nhân tâm hiểm ác, nhưng xét đến cùng cực tại sao nên nổi thì thật sự chẳng ngoài hai chữ Công và Tư mà thôi! Công đến cùng cực ắt thế giới đại đồng, tư đến cùng cực ắt sẽ giết cha, hãm vợ. Nếu phá trừ được tư tâm thì sẽ chẳng tàn hại lẫn nhau, thì sẽ chẳng khó gì lại được thấy cảnh đời Đường Ngu Tam Đại trong ngày nay!

Xưa kia, tại Phổ Đà có một vị lão Tăng đi đường, chột va phải cái ghé rêm cả chân, liền cúi tiết, đập đổ cái ghé xong, còn co chân đập liên tiếp mấy đập nữa. Có tri kiến như vậy là do mặc tình ngã mạn, tuyệt chẳng phản tỉnh vì sao xảy ra có sự. Nếu cứ để tri kiến như vậy lừng lẫy thì nếu nó đạt đến mức cùng cực, sẽ chẳng khó gì làm chuyện giết người, phóng hỏa mà cũng chẳng coi đó là lỗi, trái lại còn coi đó là chuyện nên làm nữa! Hiện tại sát cơ càng thanh, dụng cụ giết người càng thêm xảo diệu, đại kiếp đang chờ trước mắt, ai sẽ may mắn thoát khỏi? Chỉ mong đại chúng nhất tâm tu thiện, kiên thành niệm Phật, ai cầu Phật lực gia bị mới nên.

Trong khi chiến cuộc xảy ra ở Thượng Hải, những nhà cửa ở vùng Áp Bắc cháy tan ra tro, chỉ còn khu nhà của một đệ tử quy y là ông Hạ Hinh Bồi chưa bị họa hoạn. Ngay trong lúc chiến sự kịch liệt, toàn gia cùng niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát cảm ứng. Điều kỳ lạ nhất là bảy ngày sau khi cuộc chiến nổ ra, người trong nhà mới được Thập Cửu Lộ Quân cứu ra; lúc tàn cuộc chiến trở về nhà, chẳng mất một vật gì. Nếu Bồ Tát chẳng gia hộ thì sao mà được như vậy? Đó là do từ khi ông ta làm việc cho một tòa soạn nhật báo đã mấy mươi năm, vợ chồng đều ăn chay, niệm Phật thật chí thành.

Cứ vậy thì biết Quán Thế Âm Bồ Tát đại từ, đại bi, nếu gặp tai nạn, một phen xưng niệm thánh hiệu, cả nhà đã được cứu giúp. Hoặc có kẻ bảo: “Người đời ngàn vạn, tai nạn phát sanh dòn dập, Quán Thế Âm Bồ Tát chỉ có một mình làm sao cùng lúc đến cứu từng người được? Dù có cứu giúp cũng khó tránh khỏi một nhọc”. Kẻ ấy nào biết Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng phải thật sự đến từng chỗ cứu giúp, mà chính là Quán Âm trong tự tâm mình tự cứu giúp đó thôi! Quán Âm vốn vô tâm, lấy tâm chúng sanh làm tâm, nên Ngài có thể xem thấy nên dùng thân nào để cứu độ thì sẽ hiện ngay thân đó để thuyết pháp.

Như vàng trắng vằng vặc trên không, bất cứ chỗ nào có nước đều hiện bóng trắng, ngàn dòng sông có ngàn vàng trắng in bóng. Thử hỏi trăng ấy là một hay là nhiều? Chẳng thể nói là một, vì trăng hiện bóng trong muôn dòng nước. Cũng chẳng thể nói là nhiều vì vàng trắng trên không luôn chỉ có một.

Chư Phật, Bồ Tát cứu độ hữu tình cũng giống như thế. Chẳng được cảm ứng là do chúng sanh còn chưa kiên thành, hoặc là vì nghiệp nặng, chướng sâu quá mức, chứ chẳng phải Bồ Tát không cứu giúp. Như cái ao nước dơ bẩn quá, bóng trăng có muốn hiện trong ấy cũng chẳng được. Hiểu lẽ này rồi thì tôi chẳng tin là đại chúng chúng ta dẫu niệm Phật mà vẫn chẳng chánh tâm, thành ý, khẩn thiết, kính ngưỡng.

Một đệ tử ở huyện Văn Hỷ, tỉnh Sơn Tây là ông Diệp Tư Sơ, cưỡi lừa đi trong vùng núi thẳm, một bên núi cao chót vót, một bên là khe sâu thăm thẳm. Tuyết đông thành băng, con lừa trượt chân, liền rơi xuống khe. Ngang lưng vách núi có một cây to, ông Diệp rớt đúng ngay trên chạc cây ấy, không hề hấn gì, chẳng bị tan thân, nát xương. Sao lại có cái cây mọc ở đó? Ta cũng có thể bảo là Quán Âm Bồ Tát thị hiện vậy!

Lại nữa, năm Dân Quốc mười bảy (1928), ông Thái Nhân Sơ người huyện Ninh Ba mở cửa hàng Ngũ Kim Lưu Ly ở Thượng Hải. Ông là người cực thuần hậu, chơi thân với ông Nhiếp Vân Đài. Vân Đài dạy ông Thái thường niệm Quán Thế Âm, cốt ý để khỏi bị bắt cóc, tống tiền. Nhân Sơ tin theo. Ngày nọ, ông sắp về, có chiếc xe hơi đậu ngoài cửa, bọn cướp cầm súng buộc phải lên xe, ngồi xồm trên đó. Ông Nhân Sơ vừa bước ra, lên xe, xe đã rồ máy chạy. Ông vừa biết là mình bị bắt cóc, liền thầm niệm Quán Âm, mong cho xe chết máy hòng thoát nạn. Quả thật, xe bị bẻ bánh, xe lăn bánh khặc khừ, nhưng vẫn cứ chạy tiếp. Bình xăng lại bùng cháy khiến xe bắt lửa, bọn cướp phải xuống xe. Chúng cúi kính hướng về phía ông Thái nã liền ba phát súng, nhưng ông Thái chạy

né khỏi được, liền ngồi xe kéo trở về. Tháng Sáu năm đó, ông cùng vợ cùng đến Phổ Đà quy y Tam Bảo.

Lại nữa, ông Trương Thiếu Liêm vì việc hàng hải đi Kinh lý, ông này trọn chẳng tin Phật. Một ngày kia, ngồi xe hơi lái đến chỗ nghỉ mát, hai tên cướp cầm súng trèo lên xe, buộc ông Trương phải mau lái xe đến chỗ nọ. Mỗi tên đều cầm súng đe nẹt ông. Ông Trương thâm niệm Quán Âm, xe lái đến chỗ nhiệt náo, chợt có hai người đánh lộn, tuần bộ thối còi, hai tên cướp liền trèo xuống xe, lui mất. Đây là vì ông Trương thâm niệm Quán Âm nên hai tên cướp mới lầm tưởng là tuần bộ toan đến bắt chúng. Cậu ông ta là cụ Chu Vị Thạch đã quy y từ trước, một hôm thỉnh tôi đến nhà cụ. Họ Trương cũng đến quy y.

Lại nữa, con ông Lý Cận Châu ở Trấn Hải lo việc buôn bán trên đường biển, bị bệnh thổ huyết đã hai năm. Có lúc thổ huyết thành linh, lúc không thổ huyết thì trong đàm thường lẫn máu. Một ngày, ông bị bọn cướp bắt. Cả nhà ông Cận Châu sợ hãi dị thường, cùng niệm cầu Quán Âm cứu ông. Lại thỉnh chư Tăng chùa Pháp Tạng trợ niệm. Sau đấy, bọn cướp đòi năm mươi vạn đồng tiền chuộc. Nhà họ Lý chỉ có năm vạn. Tên đầu sỏ bọn cướp bảo không đủ năm mươi vạn là không xong; nhưng mỗi khi hấn đề cập đến năm mươi vạn, đầu liền bị nhức buốt, sau đành chấp thuận năm vạn tiền chuộc. Từ khi ông Cận Châu được bọn cướp thả về, chẳng những không bị thổ huyết, mà có khạc đàm cũng chẳng thấy lẫn máu nữa! Suốt hơn hai năm vương bệnh tật, sau khi bị cướp bắt, bệnh được khỏi hẳn.

Trên đây tôi vừa thuật những sự tích cảm ứng, quý vị nên tin tưởng sâu xa, tận lực hành trì thì mới chẳng uổng công nghe giảng ngày hôm nay vậy. Hiện tại, người học Phật rất nhiều, nhưng người hiểu biết Phật pháp sâu sắc lại quá ít, trái lại, đa số tin vào những lời lẽ của ngoại đạo. Miền Giang Triết có lời ngoa truyền rằng: “Người niệm Phật chẳng được vào phòng đàn bà sanh nở vì mỗi khi bị chất máu tanh hôi của bà đẻ suông nhằm, bao nhiêu công đức niệm Phật từ trước tiêu mất hết”. Vì thế, ai nấy coi đó là cấm địa, dù là phòng sanh của con gái, con dâu mình cũng chẳng dám bước vào. Thậm chí, có người còn tìm chỗ để ẩn mặt sẵn từ trước. Đầy tháng xong mới dám trở về nhà. Lời đồn thổi này mới quái dị làm sao? Chẳng hề biết đó chính là tà thuyết của ngoại đạo làm làm lạc, điên đảo nhân tâm, sao lại đành tin nhằm vậy?

Tôi nhớ vào năm Dân Quốc thứ mười hai (1923), con dâu thứ của ông Viên Hải Quán, tuổi gần mười sáu, có chút học vấn, có hai trai, hai gái. Lúc con dâu trưởng sắp sanh, có một vị cư sĩ bảo: “Con dâu ông sắp sanh, trong vòng một tháng, ông không được cúng Phật trong nhà, cũng chẳng được niệm Phật”. Ông ta nghe xong, hồ nghi, vừa may tôi đến đất Hồ, ông bèn hỏi ý việc ấy.

Tôi nói: “Đừng tin lời nói xằng. Về bảo con dâu ông niệm Quán Âm cho nhiều, lúc sanh cần niệm Phật ra tiếng. Ông cùng những người săn sóc sản phụ ai nấy đều nên niệm lớn tiếng thì nhất định chẳng đến nỗi bị sanh khó, không bị những nạn đau đớn, băng huyết v.v... Mà sau khi đẻ xong cũng chẳng bị các điều nguy hiểm”. Ông ta nghe nói, rất mừng. Qua mấy ngày sau, cháu bé sanh ra, thân rất to, lẽ ra phải là người Hồ

Nam mới sanh con lớn cỡ đó. Đưa bé nặng đến chín cân rưỡi, nhưng người mẹ chẳng đau đớn gì. Vậy mới biết sức đại từ, đại bi của Quán Âm Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn.

Bình thường niệm Phật, niệm Bồ Tát, phàm lúc sắp ngủ, lúc rửa chân, tắm gội đều nên niệm thầm. Nhưng lúc sanh nở chẳng được niệm thầm vì lúc sanh phải dùng sức, niệm thầm ắt sẽ bị tức khí thành bệnh. Phải nên rất chú ý điểm này. Phải biết là Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, Pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh tâm lực cũng chẳng thể nghĩ bàn, có điều là con người có kiên thành hay không mà thôi!

Vị cao tăng đời Minh là Ngài Thọ Xương Huệ Kinh Thiền Sư lúc sắp sanh, mẹ bị sanh khó. Ông của Ngài đứng ngoài phòng sanh, vì con cháu niệm Kinh Kim Cang để được dễ sanh. Cụ vừa mới mở miệng niệm xong hai chữ Kim Cang, cháu đã được sanh. Nhân đó, ông cụ bèn bảo đặt tên cho cháu là Huệ Kinh. Lớn lên, quy y và xuất gia đều chẳng lấy tên nào khác. Trong thời Vạn Lịch (Minh Thần Tông 1573-1620), Ngài là vị cao tăng lỗi lạc. Do đây, gần xem thì biết là Phật pháp lợi lạc thế gian rất lớn. Niệm Quán Âm Bồ Tát vào lúc sanh sản có lợi ích như thế đó, chớ để tà thuyết mê hoặc mà chẳng tín phụng Ngài!

Thế nhân ăn thịt thành thói quen. Chỉ cần biết là bất cứ loại thịt nào đi nữa đều có chất độc, vì lúc sanh vật bị giết, hận tâm, oán khí ngùn ngụt. Người ăn vào tuy chẳng đến nổi táng mạng ngay lập tức, nhưng tích tập lâu ngày sẽ phát thành ghẻ chốc, tật bệnh. Những phụ nữ trẻ tuổi nổi nóng xong cho con bú sữa mẹ, đưa bé có thể bị chết; ấy là vì sự nóng

giận khiến cho sữa bị nhiễm độc. Sự nóng giận của con người vào lúc chưa phải bị đau khổ trí mạng còn độc đến thế, huống là cái đau mất mạng của những loài heo, dê, gà, vịt, cá, tôm v.v... Cứ suy ra thì biết thịt chúng độc đến đâu!

Hơn mười năm về trước, tôi có thấy một cuốn sách nói: “Một phụ nữ Âu Tây tánh tình nóng nảy quá mức, ngày nọ vừa nổi nóng xong, cho con bú, đứa bé chết ngay, chẳng biết vì nguyên do gì. Sau lại sanh đứa khác, lại nhân lúc nóng giận cho con bú, nó bị chết luôn; bèn đem sữa đi xét nghiệm thì thấy sữa có chất độc. Lúc đó mới biết cả hai đứa con đều chết vì sữa bị hóa độc”.

Gần đây, có một bà cụ đến quy y. Tôi khuyên cụ ăn chay, nài có thịt có chất độc và kể chuyện người phụ nữ Âu Tây có hai đứa con chết nói trên làm chứng. Cụ ta bảo mình cũng có hai đứa con bị chết cùng nguyên nhân bởi lẽ chồng cụ tánh khí ngang ngược, man rợ, cứ hễ trái ý liền đánh đập vợ. Con nhỏ trông thấy khóc òa lên, mẹ liền cho bú. Đứa bé chết tốt. Lúc ấy, cụ chẳng biết là sữa bị hóa độc. Con dâu cụ cũng vì cho con bú mà chết mất một đứa. Đủ thấy con nít trong đời bị trúng sữa độc chết chẳng biết là bao nhiêu.

Do người phụ nữ Tây Phương phát giác trước tiên và cụ bà kia xác nhận, ta mới thấy thật minh bạch. Vì thế, người mẹ cho con bú sữa mẹ chớ nên nổi nóng. Nếu như đang giận dữ quá mức thì đừng có cho con bú, cần phải đợi đến lúc tâm trạng lắng dịu, hết còn giận hờn chờ vài tiếng sau mới cho con bú không ngại gì. Nếu ngay lúc đó, chưa bao lâu

sau đã cho bú thì không đến nỗi làm chết con, nhưng cũng tạo thành bệnh mà chẳng biết nguyên nhân.

Cùng một lẽ đó, các loài trâu, dê v.v... lúc bị giết tuy chẳng nói được, nhưng oán độc uẩn kết trong máu thịt không biết là bao nhiêu! Chẳng những chỉ tăng thêm sát nghiệp mà còn chiêu lấy tội báo trong tương lai, hiện đời cũng bị lăm bệnh nghiệt, đoản mạng, thật là đáng thương, đáng xót vậy. Ít người biết được điều này nên tôi phải nêu rõ ra, ngưỡng mong đại chúng đều nên lưu ý. Lấy đó mà suy thì thấy: khi người ta nóng giận, chẳng những sữa có chất độc mà nước mắt, nước miếng cũng đều có chất độc. Nếu những thứ này rơi rớt vào miệng, mắt trẻ nhỏ cũng gây hại chẳng ít. Có một vị bác sĩ đến quy y tôi, tôi hỏi ông ta: “Trong sách thuốc có nói đến điều này hay không?” Ông đáp: “Chưa từng thấy”.

Trong thế gian có lắm chuyện vượt ngoài thường tình, chẳng thể vin vào lý do chúng không hợp khoa học mà bác bỏ được. Chẳng hạn như cách trị bệnh ngược (2) thì dùng một tấm giấy trắng rộng hai tấc, bọc hai trái ô mai, hai trái hồng táo, vài hạt hồ đậu (số lượng hồng đậu nhiều ít tùy theo tuổi bệnh nhân, bao nhiêu tuổi bấy nhiêu hạt) xếp thành gói. Trước lúc cơn bệnh phát ra khoảng một tiếng đồng hồ, quán trên bập tay, nam tả nữ hữu, thì bệnh sẽ chẳng phát nữa. Cách này rất công hiệu. Dù bệnh đã hai ba năm chẳng lành, cũng chữa lành được. Chẳng phải thuốc, chẳng phải bùa, chẳng phải chú lại có công hiệu lạ kỳ như thế, há có thể vận dụng thường lý để giải thích chẳng? Bởi đó, ta biết rằng vạn sự trong thế gian, điều nào cũng khó thể nghĩ bàn cả!

Chẳng hạn như mắt thấy, tai nghe là chuyện cực bình thường, ai ai cũng biết cả, nhưng nếu hỏi vì sao mắt thấy được, tai làm sao nghe được, những nhà khoa học sẽ đáp là do tác dụng của thần kinh. Nếu lại hỏi nữa: Vì sao thần kinh lại có tác dụng như thế? Và tại sao lại có thần kinh? Thì e rằng chỉ một ít người đáp nổi. Trong Phật pháp cũng có những sự chẳng thể nghĩ bàn nhưng lại nghĩ bàn được, có những sự có thể nghĩ bàn nhưng lại chẳng thể nghĩ bàn được. Thần diệu nhưng minh bạch, tồn tại ngay trong con người, chẳng thể vội dùng lẽ thường tình để suy lường được!

VII. NGÀY THỨ BẢY

*** GIẢNG VỀ TỘI VỌNG NGŨ VÀ NHỮNG SỰ NHU:
ĐẠI HIẾU TRONG NHÀ PHẬT, TRÍ TRI CÁCH VẬT,
GIÀ GIẶN, CHẮC THẬT NIỆM PHẬT V.V...**

Ngày hôm nay, Pháp Hội viên mãn. Trong chớp mắt đã qua bảy ngày. Dù Pháp Hội đã mãn, nhưng đối với trách nhiệm hộ quốc tức tai, cho đến khi chấm dứt báo thân này, chúng ta nên xả thân thực hiện. Hễ còn một ai chưa ăn chay, niệm Phật, Vãng Sanh Tây Phương thì vẫn chưa thể coi là viên mãn rốt ráo được.

Người học Phật hiện tại lắm kẻ tự thị ta đã khai ngộ, ta là Bồ Tát, ta đã đắc thân thông đến nỗi làm lắm kẻ khác bị lầm theo. Một mai Diêm

lão rẻo mạng, lúc lâm chung, cầu sống chẳng được, đau khổ mà chết, khó tránh khỏi địa ngục A Tỳ. Chớ nên nhiễm đấm cái thói ham cao, ưa thắng, dối mình, lừa người ấy; nếu trót dính vào thì phải sửa ngay. Còn ai không vướng phải thói ấy thì càng phải cố tránh. Thật rất mong mỗi vậy.

Sát, trộm, dâm... đều là trọng tội; nhưng vẫn còn có người biết những hành vi ấy chẳng tốt, không phải ai cũng mắc phải nên những tội ấy còn ít. Nếu chẳng tự lượng, phạm tội đại vọng ngữ, chưa đắc đã bảo đắc, chưa chứng đã nói chứng để lãnh đạo những hạng vô tri thì tội ấy càng nặng nề lắm. Hoại loạn Phật pháp, khiến chúng sanh ngờ vực, mê lầm, tội ấy chẳng thể hình dung được nổi!

Người tu hành cần phải giấu tài, ẩn đức, phơi bày tội lỗi. Nếu chuộng hư trương thanh thế, bôi mặt, bày trò thì dù có tu hành cũng bị cái tâm kiêu hư ấy phá hoại quá nửa. Vì thế, Phật đặc biệt coi tội vọng ngữ là Căn Bản Giới, nhằm để ngăn ngừa tâm hư ngụy, ngã hầu chơn tu, thực chứng. Thế nên, người tu hành chẳng được hướng về người khác khoe khoang công phu của chính mình. Nếu như vì chẳng hiểu rành rẽ, muốn cầu thiện tri khai thị, ẩn chứng thì có thể tự trần thuật đúng ngay sự thực, chứ chẳng thể tự kiêu nói quá lên, cũng bất tất phải tự khiêm nói giảm đi, cứ nói đúng theo tình huống chân thật thì mới là đệ tử Phật chơn chánh, mới có thể ngày một tiến hơn.

Lục Tổ Huệ Năng Thiền Sư nói:

Phật pháp tại thế gian,

Chẳng rời thế gian giác

Lìa đời tìm Bồ Đề

Khác nào tìm sừng thỏ.

Nên ta biết rằng hết thấy sự vật trong thế gian đều là Phật pháp. Chúng ta khởi tâm động niệm đều phải rành rẽ, minh bạch, chẳng được để vọng niệm làm mê. Từ những hạng người cực ác, bại hoại cùng cực trong thế gian cho đến những đứa trẻ non nớt nếu có ai nhắc đến những điều bất thiện cũng giận, nghe điều lành thì vui.

Sự giận dữ đối với điều bất thiện, vui vẻ đối với điều thiện chính là do Bản Giác từ Chơn Tâm phát hiện. Chỉ tiếc là chẳng biết xoay lại để mở rộng điều thiện, vẫn cứ suốt ngày làm chuyện chẳng lành, đến nỗi hữu danh vô thực, lọt vào hạng tiểu nhân. Giả sử họ có thể tự phản tỉnh: “Mình đã vui với điều thiện thì hãy nên tận lực làm việc lành, tận lực ngăn ngừa điều ác thì dù kém cõi nhất cũng may ra thành hiền, thành thánh; còn cao tột thì liễu sanh thoát tử, thành tựu Phật đạo vậy!”

Điều trọng yếu là tự giác. Hễ giác thì sẽ chẳng chạy theo mê tình, cuối cùng đạt đến chỗ giác vĩnh viễn chẳng mê. Nếu chẳng giác sẽ suốt ngày muốn người khác xưng tụng mình là lành, nhưng vẫn suốt ngày làm các điều ác, chẳng đáng thương xót lắm ư? Bởi vậy, sự kiện con người ai cũng có ý niệm muốn được người khác khen là lành đủ chứng tỏ chúng sanh ai cũng đều có Phật tánh, nhưng hành vi thuận theo tánh hay trái nghịch tánh một phần là do mình tự cố gắng hay tự buông lung, một phần là do thiện hay ác tri thức chỉ bày, dẫn dụ.

Hiện nay, tai nạn phát sanh dồn dập, quá nửa là do con người chẳng chú trọng thực tế, uổng công chạy theo hư danh, ham danh ghét thật, trái nghịch bản tâm mà nên nổi! Nếu có thể hồi quang phản chiếu, phát huy Phật tánh vốn đã sẵn có, chẳng khinh mình, khinh người, hiểu rõ lẽ nghĩa, biết liêm sỉ thì cái căn bản đã lập, chẳng còn có hạnh nghịch lý bội đức, ắt tai hoạn sẽ tự dứt vậy! Người học Phật cần nhất là phải trọn hết bốn phận. Tròn bốn phận thì sẽ có liêm, có sỉ. Những hạnh như cha từ, con hiếu, anh mến, em kính đều nên nỗ lực thực hành.

Sách Đại Học có câu: “Đại học chi đạo, tại minh minh đức” (Đạo đại học cốt ở chỗ làm sáng tỏ cái đức sáng). Chữ “minh” thứ nhất là tu tỉnh, khắc kỷ, tuân theo lẽ nghĩa. Hai chữ “minh đức” tiếp đó chỉ đức hạnh gồm: ý chơn thành, tâm chơn chánh, sửa trị thân mình, giữ yên gia đình... Muốn làm sáng tỏ minh đức đó, không bắt đầu từ ý chơn thành, khắc kỷ thì không xong!

Tiến lên nữa, mới có thể nói: “Tại thân dân, tại chỉ vụ chí thiện”. Chữ “thân dân” ở đây hàm nghĩa ta - người nhất thể, xem người như mình, ai nấy tận hết bốn phận. “Chỉ vụ chí thiện” nghĩa là động, tịnh đều theo lẽ, chẳng buông lung khi ở nơi nhà tối, tự thực hành, dạy người thực hành, thuận theo thiên lý, tình người, là Trung Đạo chẳng lệch, chẳng khuất khúc. Được như vậy sẽ là Thánh, là Hiền, dễ được mấy ai?

Vả nữa, Phật pháp nhằm dạy người đối trị phiền não, tập khí nên có Tam Học: Giới, Định, Huệ làm căn bản. Bởi lẽ, hễ đã răn dè, ràng buộc cái thân, sẽ chẳng dám làm điều trái đức, phi lễ, chẳng dám thốt lời gây

tổn hại. Do Giới sanh Định nên những tạp niệm vọng loạn rồi bời trong tâm sẽ dần tiêu, những điều hồ đồ, hôn muội, đáng thẹn sẽ tự ngưng. Do Định phát Huệ nên Chánh Trí khai phát, phiền hoặc tiêu diệt. Được vậy thì khi thực hiện các thiện pháp thế gian hay xuất thế gian sẽ không có pháp nào là chẳng phù hợp với Trung Đạo cả!

Ba thứ Giới, Định, Huệ đều là Tu Đức, đều là những điều do chính Chánh Trí thể hội tâm thể. Đây chính là Minh Đức. Sách Trung Dung gọi Minh Đức này là “thành”. Thành tức là thuần chơn vô vọng. Minh Đức tức là “ly niệm linh tri”. Thành và Minh Đức đều thuộc về Tánh Đức do phải khắc kỷ, tu tĩnh tu trì thì tánh đức mới hiển lộ. Bởi thế, Nho gia chú trọng vào chữ “minh” thứ nhất vì hễ đã minh Minh Đức thì sẽ thấy thấu suốt, sẽ minh vĩnh viễn. Phật pháp và thế pháp vốn chẳng hai.

Có kẻ cho rằng nhà Phật “từ thân cát ái” là bất hiếu thì đó là cái nhìn hạn cuộc trong đời này, là cái nhìn nông cạn chưa biết được quá khứ, vị lai. Chữ hiếu đối với cha mẹ trong nhà Phật thông suốt cả ba đời. Vì thế Kinh Phạm Võng dạy: “Nếu là Phật tử thì do từ tâm sẽ hành nghiệp phóng sanh, coi hết thầy đàn ông là cha mình, coi hết thầy nữ nhân là mẹ mình. Trong đời đời, không lúc nào ta không do họ sanh ra. Bởi vậy, lục đạo chúng sanh đều là cha mẹ ta. Giết họ để ăn thì khác gì giết cha mẹ để ăn thịt đâu?”

Đối với hết thầy chúng sanh, nhà Phật đều có thể thương xót, nghĩ mong độ thoát nên sự Hiếu ấy lớn lao thay! Huống hồ, lại còn độ cho cha mẹ vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, há có sự hiếu thế gian nào sánh bằng

nổi ư? Thế nhân cứ nghĩ: cha mẹ còn sống thì chăm chút, phụng dưỡng, cha mẹ đã mất thì đến ngày mất bày thức ăn cúng tế mới là tận dạ làm con. Giả như cha mẹ tạo trọng tội, phải đọa trong dị loại, nào ai dám chắc là trong đám sinh vật mình giết hại để cúng tế ấy hoàn toàn chẳng có cha mẹ mình trong số đó ư?

Mê muội lý tam thế vô tận nên mới vin vào sự hiếu nhỏ nhoi ấy mười năm mà trách Phật. Sự thấy biết nhỏ nhoi, nông cạn ấy cũng đáng nực cười thay! Vì thế, Phật dạy người ta tránh giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, thực có thể nói là lòng hiếu từ vô tận vậy.

Hoặc lại có kẻ bảo: “Heo, dê, cá, tôm... vốn do trời sanh để nuôi dưỡng con người, ăn chúng nào có mắc tội gì?” Đây là do chưa trải qua cảnh đó nên nói xằng như thế. Nếu đích thân gánh chịu nỗi khổ của chúng liền sẽ mong được cứu không ngại, chứ còn rảnh đâu để biện bác.

Sách Khuyến Giới Lục Loại Biên có chép: Ông họ Triệu nọ ở Bò Thành, tỉnh Phước Kiến kiêng sát sanh đã lâu, vợ ông tàn nhẫn, ham ăn thịt. Ngày hôm trước hôm sinh nhật, bà mua khá nhiều sanh vật để giết đãi khách. Họ Triệu bảo: “Bà muốn chúc thọ lại khiến chúng bị chết mà yên lòng sao?” Vợ bảo: “Toàn là lời nhảm cả! Nếu theo như Phật pháp, nam nữ chẳng được ngủ chung, chẳng giết sanh mạng thì hóa ra mấy mươi năm sau, cả thế gian chỉ còn toàn là súc sanh sao?” Ông Triệu biết không cách nào khuyên giải được, đành phải chịu phép.

Đến đêm, người vợ mơ thấy đi vào nhà bếp, thấy giết heo mà chính mình bị biến thành heo, bị giết rồi vẫn còn biết đau. Lúc bị cạo lông, phanh bụng, móc ruột, lóc chân càng đau khổ không chịu nổi. Và khi giết gà, vịt v.v... đều thấy chính mình biến thành những con vật bị giết. Đau đến nỗi tỉnh cả ngủ, tâm run, thịt giựt. Từ đấy phát tâm thả hết những loài vật mình đã mua, ăn chay trường. Người này đời trước có đại thiện căn nên mới cảm được Phật từ gia bị, khiến được đích thân chịu khổ để dứt ác nghiệp. Chứ nếu không sẽ đời đời, kiếp kiếp nộp thân cho người ăn nuốt để đền nợ.

Những kẻ giết sanh vật ăn thịt trong đời này nếu có thể đặt mình vào hoàn cảnh của loài vật thì khó gì mà chẳng lập địa hồi đầu. Nếu như nói: “Trời sanh các loài heo, dê... để nuôi dưỡng con người” thì thử hỏi phải chẳng trời sanh ra con người để nuôi dưỡng những loài hổ, sói, muỗi, rệp... ư? Chẳng đáng bỡ cười thay!

Lại có một hạng người nói: “Ta ăn thịt trâu, dê, gà, vịt... là muốn độ thoát chúng nó!” Trong Hiền Giáo chẳng có thuyết này, trong Mật Giáo cũng chẳng hề có. Nếu quả thật có thần thông như Tế Diên Hòa Thượng cũng còn tạm được. Chứ nếu không, đó chỉ là tà thuyết khiến người lầm lạc, tự chuốc lấy tội. Chỉ hạng cực vô liêm sỉ mới dám nói thế! Nếu đã có thể giết chúng để độ thì cha mẹ tôi tôn trọng, vợ con tôi thân ái sao chẳng giết sạch đi để ăn thịt hồng độ họ? Những kẻ hoang đường, quái đản ấy còn biết nói gì nữa!

Thời Nam Lương, tại núi Thanh Thành ở đất Thục (nay là Tứ Xuyên), có vị Tăng tên là Đạo Hương, có đại thần lực, nhưng giấu kín chẳng tiết lộ. Núi ấy có lệ hằng năm mở hội, trong ngày hội mọi người ăn uống no say, giết hại sanh vật vô số. Ngài Đạo Hương khuyên can nhiều lần, họ chẳng nghe. Năm ấy, Ngài đào một cái hố to ở ngoài cửa núi, bảo mọi người: “Các ông đã ăn no, xin chia cho tôi một bát canh, có được không?” Mọi người ưng thuận. Khi đó, Ngài Đạo Hương cũng ăn uống no say, nhờ người dìu đến trước hang ọe hết ra. Những con vật Ngài đã ăn vào: Con nào bay được thì bay lên, con nào chạy thì chạy đi, tôm, cá, thủy tộc ói ra ngập cả hố. Mọi người kinh sợ, liền vĩnh viễn kiêng sát sanh. Về sau, Ngài Đạo Hương nghe lời Chí Công liền hóa (Có người đất Thục đến Kinh đô yết kiến Ngài Chí Công. Chí Công hỏi: “Người xứ nào?” Đáp: “Tứ Xuyên”. Chí Công bảo: “Ông Hương ở Tứ Xuyên được kính trọng hay coi thường?” Đáp: “Coi rất thường”. Chí Công bảo: “Bị người coi thường sao chẳng hóa đi”. Người đó trở về núi Thanh Thành, thuật cho Đạo Hương nghe lời Ngài Chí Công. Ngài Đạo Hương nghe lời ấy xong liền hóa).

Nên biết rằng những người ẩn kín trong đời, một khi hiển thị thần thông xong sẽ lìa đời tịch diệt để khỏi bị phiền não. Còn không thì phải như Ngài Tế Diên làm ra vẻ si cuồng, điên dại khiến không ai dò biết được Ngài ảo diệu đến đâu, mới yên.

Người học Phật cần phải bỏ cái thấy ta - người, tự lập, lập người. Có vậy mới có thể nói là nhập đạo. Tức là như sách Đại Học chép: “Cổ chi dục minh minh đức vu thiên hạ giả, tiên trị kỳ quốc. Dục trị kỳ quốc

giả, tiên tề kỳ gia. Dục tề kỳ gia, tiên tu kỳ thân. Dục tu kỳ thân giả, tiên chánh kỳ tâm. Dục chánh kỳ tâm, tiên thành kỳ ý. Dục thành kỳ ý giả, tiên trí kỳ tri. Trí tri tại cách vật” (Người xưa muốn làm sáng tỏ đức sáng trong thiên hạ thì trước hết phải giữ yên đất nước. Muốn giữ yên đất nước thì trước hết phải yên định gia đình. Muốn yên định gia đình thì trước hết phải sửa đổi thân mình. Muốn sửa đổi thân mình thì trước hết phải ngay chánh tâm mình. Muốn ngay chánh tâm mình thì trước hết phải giữ cho ý mình chơn thành. Muốn chơn thành ý mình thì trước hết phải đạt đến chỗ hiểu biết. Đạt đến chỗ hiểu biết nằm ở chỗ trừ khử vật dục).

Chữ “vật” ở đây chỉ vật dục chẳng phù hợp với thiên lý và tình người. Hễ đã có tư dục ắt tri kiến sẽ thiên tà, chẳng còn công chánh nữa. Lệ như đã yêu vợ, thương con thì dù vợ con có hư đốn cũng chẳng cần biết đến. Do đắm chìm, mê mết với tư dục nên lương tri sẵn có bị khuất lấp, đến nỗi sự hiểu biết trở thành sai quấy thiên tà, bất chánh.

Nếu có thể trừ khử (cách trừ) sạch được tư dục thì vợ con đúng hay sai sẽ thấy ngay lập tức. Bởi thế, một chuyện “cách vật” (trừ khử vật dục) ở đây cần phải giảng thông thiết, chớ có làm hiểu “cách vật” nghĩa là thông suốt cùng tột lý của mọi sự vật trong thiên hạ. Trừ khử tư dục trong tự tâm mới chính là căn bản của việc “minh Minh Đức”. Thông đạt tận cùng lý tánh của sự vật trong cõi đời chỉ là chuyện càn phụ, đầu nhánh. Lấy chuyện càn phụ, đầu nhánh làm căn bản trọng yếu thì lạ gì thiên hạ chẳng loạn lạc hết thuốc chữa nổi!

Phật pháp trừ khử tham, sân, si cũng là “cách vật”. Tu Giới - Định - Huệ chính là “trí tri”. Vật Tham Sân Si chất chứa trong tự tâm thì cũng như đeo cặp kính màu nhìn mọi vật sẽ chẳng thể thấy được sắc thật của từng vật. Họa hại của vật dục chẳng đáng sợ sao?

Người niệm Phật cũng đừng nên tự cậy thông minh, trí huệ, mà cần phải vứt bỏ những điều ấy ra tận ngoài biển Đông. Nếu chẳng vậy sẽ luôn bị chúng làm lầm lạc, tự bị liên lụy. Bởi lẽ, sẽ bị tri kiến ngăn che chẳng thể nhất tâm được, chẳng bằng hạ ngu phu, ngu phụ niệm Phật. Chánh tâm, thành ý được hưởng ích lợi rất lớn. Vì thế, một pháp Niệm Phật tốt nhất là phải học theo những kẻ quê mùa, ngu độn, lấy việc già giặn, chắc thật hành trì làm trọng.

Tục ngữ bảo: “Thông minh rốt cục bị lầm vì thông minh”, chẳng đáng sợ sao? Như bà vợ của ông Trịnh Bá Thuần, một đệ tử quy y của tôi ở huyện Bảo Sơn, tỉnh Vân Nam. Bà trường trai niệm Phật nhiều năm. Người con trưởng tên Huệ Hồng đã chết hai năm trước. Bà vợ do thương con quá nên uống thuốc độc. Bà trọn không có tướng trạng khổ sở, đoan tọa niệm Phật qua đời. Đã chết rồi sắc mặt càng sáng nhuận, kinh động cả một phương. Ông Bá Thuần là bậc lão nho đề xướng niệm Phật, ít có người tin, nhưng do cái chết của vợ con ông, mà mười người đã hết tám, chín người tin theo. Phàm đoan tọa niệm Phật qua đời, nếu không bệnh mà thác đã chẳng dễ gì, nhưng do uống thuốc độc mà chết còn hiện được tướng đó, nếu chẳng phải là đã đắc Tam Muội nên chất độc chẳng làm hại được thì làm sao đạt được như vậy? Nhưng uống thuốc độc tự sát là điều Phật pháp cấm đoán, đừng tưởng

vậy là hay, cũng đừng khinh thường làm thử, những vị nghe giảng phải dè chừng.

Ông Tống Dương Kiệt, tự là Thứ Công, hiệu Vô Vi Tử, tham học với Thiên Y Nghĩa Hoài Thiên Sư, đại ngộ. Sau nhân cư tang mẹ, duyệt Đại Tạng, hiểu sâu xa sự thù thắng của pháp môn Tịnh Độ nên tự hành, dạy người hành. Lâm chung nói kệ rằng:

Sanh diệc vô khả luyện
 Tử diệc vô khả xả,
 Thái hư không trung chi hồ giả dã,
 Tương thác tựu thác: Tây Phương Cực Lạc
 (Sanh thì cũng chẳng tiếc gì,
 Chết rồi cũng chẳng bỏ đi đâu nào,
 Hư không hư huyền sá chi,
 Đem làm bù lẩn để về Tây Phương)

Ông Dương Kiệt sau khi đại ngộ, quy tâm Tịnh Độ, cực lực đề xướng; đến lúc lâm chung nhận biết: Trong chơn tánh thì sanh tử như hoa đốm trong hư không, nhưng do chưa chứng được chơn tánh thì chẳng thể không cầu Vãng Sanh Tây Phương để chứng được. “Đem làm bù lẩn” nghĩa là nếu đã triệt chứng chơn tánh thì bất tất phải cầu sanh Tây Phương chi nữa. Cầu được Vãng Sanh vẫn còn là làm lạc, nhưng nếu chưa chứng ngộ chơn tánh thì chẳng thể không cầu Vãng Sanh Tây Phương cho nên mới nói: “Đem làm bù lẩn để về Tây Phương”.

Trong tác phẩm Vãng Sanh Tập, cuối truyện ông Tống Dương Kiệt, Liên Trì Đại Sư đã tán như sau: “Tôi mong những kẻ thông minh tài trí trong thiên hạ đều có thể thành tựu loại làm lạc này. Đấy có thể bảo là thực sự đại thông minh mà chẳng bị thông minh làm lầm lạc vậy”.

Như ông Tô Đông Pha đời Tống, tuy là hậu thân của Ngũ Tổ Giới Diễn Thiên Sư, luôn mang một bức tranh Phật A Di Đà theo bên mình, bảo: “Đây là công cứ Tây Phương của cả đời ta”. Nhưng đến lúc lâm chung, trưởng lão Duy Lam ở Kính Sơn khuyên nhủ đừng quên Tây Phương, Đông Pha nói: “Tây Phương tự có, nhưng chẳng thể dốc sức vào đấy được!” Môn nhân Tiên Thế Hùng bảo: “Đấy chính là chỗ tiên sinh thường hành trì, hãy nên dốc sức”. Đông Pha đáp: “Hễ dốc sức vào thì đã là sai rồi!” Nói xong liền mất. Đấy chính là bằng chứng hùng hồn của chuyện bị thông minh gây tự lầm lạc vậy. Mong quý vị tránh khỏi được điều này.

Pháp môn Tịnh Độ khế lý, khế cơ, dùng sức ít mà thành công dễ, như đã căng buồm lại còn thuận nước vì nhờ vào Phật lực. Các tông khác dùng sức nhiều mà thành công khó như con kiến bò lên núi cao vì toàn cậy vào tự lực. Đẳng Giác Bồ Tát muốn cầu viên mãn Phật Quả còn cần phải cầu sanh Tây Phương, huống hồ là bọn phàm phu chúng ta nghiệp căn thâm trọng, sao còn chẳng chịu dốc sức vào pháp này? Đấy là bỏ dễ cầu khó, lầm lạc cùng cực thay!

Nay những dụng cụ giết người trong thế gian mỗi ngày mỗi mới mẻ, mỗi tháng mỗi khác biệt, nào là phi cơ, đại bác, độc khí, tia sáng giết

người v.v... Núi, sông chẳng ngăn trở nổi, vật cứng còn chẳng chống chọi được thì cái thân huyết nhục của bọn chúng ta làm sao đương cự nổi? Mạng người như giọt sương buổi sớm, vô thường một khi xảy đến, vạn sự đều thôi. Bởi thế, muốn cầu lìa khổ được vui thì phải nên gấp gáp nỗ lực niệm Phật, cầu Phật gia bị. Lâm chung Vãng Sanh, một phen đạt lên cõi kia, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, hoa nở thấy Phật, chứng được Vô Sanh, mới chẳng cô phụ chuyện được nghe pháp này mà tin nhận vậy. Kính mong đại chúng hành trì, đây là điều tôi rất mong mỏi.

VIII. NGÀY THỨ TÁM

*** PHÁP HỘI VIÊN MÃN, GIẢNG TAM QUY, NGŨ GIỚI VÀ CÁC NGHĨA LÝ TRỌNG YẾU DÀNH CHO NGƯỜI NIỆM PHẬT**

Hôm nay là ngày các vị quy y Tam Bảo. Các vị đã quy y thì nên hiểu rõ đạo lý Tam Quy, Ngũ Giới, tôi sẽ trình bày cho quý vị rõ.

Vì sao quý vị phải quy y Tam Bảo? Tôi thiết nghĩ nói chung là chẳng ngoài việc muốn cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Làm thế nào để đạt được mục đích ấy? Tức là phải bắt đầu từ việc quy y, tức là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Có quy y Tam Bảo, chơn thật tu trì thì mới có thể liễu thoát sanh tử, Vãng Sanh Tây Phương. Và Tam Bảo vừa nói đó có hai loại: Tự Tánh Tam Bảo và Trụ Trì Tam Bảo.

* Phật nghĩa là Giác Ngộ. Tự Tánh Phật có sẵn trong tự tâm, nó chính là Chơn Như Phật Tánh ly niệm linh tri vậy.

* Pháp nghĩa là quy phạm (khuôn phép). Tự tâm sẵn có Tự Tánh Pháp, nó chính là khuôn mẫu cao quý: đạo đức, nhân nghĩa vậy.

* Tăng nghĩa là Thanh Tịnh, Tự Tánh Tăng tự tâm ta sẵn có, chính là tịnh hạnh thanh tịnh vô nhiễm.

Đây chính là Tự Tánh Tam Bảo.

Trụ Trì Tam Bảo: Đức Phật Thích Ca lúc còn tại thế thì Ngài là Phật Bảo, sau khi diệt độ, phàm tất cả các tượng bằng vàng đúc, đất nặn, gỗ chạm, tranh vẽ đều phải nên tôn kính như Phật Bảo.

Các pháp ly dục thanh tịnh đã giảng, phàm các Kinh Điển trong Tam Tạng, mười hai bộ đều là Pháp Bảo.

Người xuất gia thọ Cụ Túc Giới, tu trì hạnh thanh tịnh đều là Tăng Bảo.

Quy là quay về, gieo vào, như nước đổ vào biển, như lũ khách trở về nhà. Y là nương gởi, như con nương vào mẹ, như vượt biển phải nương nhờ thuyền. Con người giữa biển cả sanh tử nếu chẳng quay về nương nhờ Tự Tánh Tam Bảo và Trụ Trì Tam Bảo thì không cách gì ra khỏi được sự đại khổ ấy cả. Nếu chịu phát tâm chí thành quy y Tam Bảo, tu hành đúng như pháp thì mới ra khỏi biển khổ sanh tử, liễu sanh thoát tử được.

Ví như người lỡ chân rớt xuống biển, sóng dữ cuộn cuộn, sợ bị chìm ngập mất đầu. Giữa lúc ngàn cân treo sợi tóc, sanh tử tồn vong ấy, chợt có con thuyền đi đến, liền gắng đuổi theo, trèo lên. Đây là nghĩa “quay về, gieo vào” vậy. Do đã biết Tự Tánh Tam Bảo, từ đây khắc kỷ, tu tỉnh, phấn đấu kịch liệt với ác nghiệp thì lại càng phải cầu nơi Trụ Trì Tam Bảo và mười phương tam thế hết thấy Tam Bảo thì mới có thể tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn, thành tựu được đạo nghiệp ngay trong đời này, vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử, luân hồi.

Điều này cũng giống như được cứu, leo lên thuyền, ngồi yên đến bờ. Đã thoát hiểm lúc ấy, hiện tại lại mừng được sống sót, bởi đó được vô hạn lợi ích. Đây chính là ý nghĩa “nuông, gởi” vậy. Ở trong biển cả sanh tử, việc đời rối ren, phiền não muôn mối, chúng sanh cần phải nên lấy Tam Bảo làm thuyền. Đã được quy y sẽ thúc trống, giương buồm, chèo lười, chèo sục, tự sẽ có thể mau lên bờ kia, vĩnh viễn hưởng an lạc.

Đã quy y Phật nên thờ Phật làm thầy; bắt đầu từ nay cho đến hết đời, kiên thành lễ kính, chẳng chịu lười nhác dẫu chỉ trong một hơi thở, chẳng được quy y thiên ma, ngoại đạo, tà thần.

Đã quy y Pháp, nên lấy Pháp làm thầy, bắt đầu từ nay cho đến hết đời, chẳng quy y Kinh Điển ngoại đạo nữa.

Quy y Tăng nên lấy Tăng làm thầy, bắt đầu từ nay cho đến hết đời, chẳng còn quy y đồ chúng ngoại đạo nữa.

Nếu đã quy y Tam Bảo mà còn tín ngưỡng ngoại đạo, tôn phụng tà ma, quỷ thần thì tuy hằng ngày niệm Phật, tu trì, cũng khó lòng được lợi ích chơn thật vì tà chánh chẳng phân, quyết chẳng có hy vọng liễu thoát sanh tử. Đành rành như thế. Lại cần phải biết rằng: “Quy y” vừa nói đó chính là quy y hết thầy Phật - Pháp - Tăng Tam Bảo, chứ chẳng phải là quy y một cá nhân nào. Chẳng hạn như hôm nay các vị đến quy y, chẳng qua tôi thay mặt cho Tam Bảo truyền chúng Tam Quy, chứ chẳng phải quy y một mình tôi. Tôi thấy Tăng tục vẫn có kẻ hiểu lầm ý nghĩa quy y, người tại gia thì nói tôi quy y vị pháp sư đó, người xuất gia bảo kẻ nọ là đệ tử quy y của tôi. Bỏ cái lớn, lấy cái nhỏ, phé công chọn tư, đáng buồn, đáng than thay! Vì thế tôi bèn nói rõ để quý vị khỏi bị lầm lạc nữa, xin ai nấy chú ý.

Đã giảng về ý nghĩa Tam Quy rồi, tôi lại nói đến Ngũ Giới. Ngũ Giới vừa được nói đó, chính là: một là chẳng sát sanh, hai là chẳng trộm cắp, ba là chẳng tà dâm, bốn là chẳng nói dối, năm là chẳng uống rượu.

* Chẳng sát sanh là vì ta cùng loài vật đều ham sống, sợ chết hệt như nhau. Ta đã ham sống, sao lại giết chúng? Nói, nghĩ thấu suốt đến đó thì lẽ nào lại nở lòng giết hại? Bởi lẽ, hết thầy chúng sanh đều cùng ngang hàng, luân hồi trong lục đạo, ai nấy tùy theo nghiệp thiện, ác của chính mình mà hình thể khác xa nhau, thăng, giáng, nổi, chìm, trợn chẳng lúc nào hết. Ta cùng bọn chúng trong nhiều kiếp cũng từng xoay

vẫn làm cha, mẹ, anh, em, con cái, quyền thuộc. Nghĩ đến đây lẽ nào còn chịu sát sanh?

Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, thực chẳng hai, chẳng khác với tam thế chư Phật. Trong đời vị lai, chúng đều có thể thành Phật, chỉ vì sức ác nghiệp túc thế nên Phật Tánh diệu minh bị ngăn chướng, chẳng hiển hiện được, đến nỗi chìm đắm trong dị loại. Lẽ ra, chúng ta phải nên đem lòng thương xót, lòng từ bi, cứu độ chúng, có đâu lại dám tàn hại thân thể chúng để cốt no bụng mình?

Đời này, chúng ta được làm người chính là do thiện quả đời trước, phải nên vĩnh viễn giữ gìn thiện quả này khiến nó được phát dương quang đại, duy trì vĩnh cửu, chẳng được sát sanh! Nếu như rộng tạo sát nghiệp ắt sẽ đọa ác đạo, đền trả nợ cũ, xoay vần giết hại nhau, đây chìm, kia khởi, chẳng có khi hết. Muốn tránh khỏi nỗi khổ luân hồi, cầu sanh Tây Phương, sao còn dám tạo đôi chút sát nghiệp? Vì thế, điều đầu tiên phải chú trọng là kiêng giết.

* Chẳng trộm cắp là thấy của riêng của người khác, nếu chẳng cho thì chẳng dám lấy. Việc này những ai biết chút liêm sỉ sẽ đều chẳng phạm, nhưng mấy ai chưa phải là bậc Thánh Hiền không phạm qua? Bởi lẽ, một phen tư dục nổi lên sẽ dễ bị lung lạc. Nếu thấy mỗi lợi lớn ở ngay trước mắt mà có thể né tránh như thể gấp tránh rắn, rết, kẻ điên cuồng thì hạng người ấy đã là chẳng dễ thấy rồi.

Nói “trộm cắp” đó chẳng phải chỉ có nghĩa là trộm cắp tài vật của người mà là ngay trong lúc để tâm làm việc, nếu có những lúc giống như

trộm cắp thì cũng chính là trộm cắp vậy. Chẳng hạn, mượn công giúp tư, tổn người lợi mình, cậy thế lấy của, dùng mưu đoạt vật, ganh tỵ sự phú quý của người khác, mong người nghèo cùng đi v.v... đều là trộm cắp cả.

Lại như làm lành để cầu danh, ngay cả như lúc gặp các thiện sự, tâm chẳng chơn thành khiến cho lảm chuyện lời thôi. Chẳng hạn như lập trường nghĩa học, nhưng chẳng chọn thầy nghiêm khắc khiến cho con em người khác bị lảm lạc; thí thuốc men mà chẳng phân biệt giả, thật, khiến tính mạng người khác bị hại. Gặp người mắc nạn gấp, dụ dụ chẳng gấp cứu, lảm chần, dùng dằng đến nỗi lỡ việc. Với hết thấy việc, luôn lảng nhãng, tặc trách, chẳng quan tâm đến lợi hại của người khác, xài phí của công, tổn hại công ích thì thật đều giống như trộm cắp vậy.

Nếu ai nấy đều có lòng trộm cắp, hay làm việc trộm cắp thì xã hội sẽ hủ bại, loạn lạc, thiên hạ chẳng thể thái bình. Vì vậy, cần phải chú trọng răn dè trộm cắp.

* Chẳng tà dâm: Âm dương tương cảm, chúng sanh nhờ đó mà sanh. Vợ chồng kết hôn là mối nhân luân lớn lao. Sanh con đẻ cái, dạy dỗ nên người, trên quan hệ quốc gia, dưới tiếp nối dòng dõi; cho nên chẳng cảm. Nếu chẳng phải chánh phối lại cầu hợp tư thông liền thành tà dâm. Đây là trái nghịch chánh nghĩa, rối loạn nhân luân, sống làm cầm thú đội mũ mặc áo, chết đọa tam đồ ác đạo. Vừa ra khỏi địa ngục, lại làm những loài vật dâm như chim sẻ, bò câu v.v... Nếu được làm người, hay bị chết yểu, hèn mạt, vợ con dâm tà. Quả báo ấy thật tàn khốc, thật hiển nhiên.

Nhưng con người lúc dâm dục phát sanh thường chẳng thể tự chế; vì thế, Đức Phật ta coi tội dâm dục là nặng.

Nếu thực hành Bất Tịnh Quán, quán lâu ngày sẽ thấy sắc dâm chán. Thêm nữa, nếu có thể tưởng hết thấy nữ nhân mình trông thấy đều là mẹ, con gái, chị, em, sanh tâm hiếu thuận, tâm cung kính thì ác niệm dâm dục cũng không do đâu phát sanh được! Đấy chính là cách đoạn trừ căn bản của luân hồi, sanh tử, là thang bậc để siêu phàm nhập thánh, phải thường kiên trì.

Còn như vợ chồng ân ái cùng nhau vốn chẳng bị cấm đoán, nhưng cũng cần phải “tương kính như tân” (kính trọng nhau như khách), tiết dục, giữ gìn thân thể, ít dục sẽ có nhiều con trai, chẳng được phóng túng vô độ đến nổi táng thân, không con nối dõi. Hơn nữa, dẫu là vợ chồng với nhau, nếu hoang dâm cũng là phạm giới, chẳng qua nhẹ hơn tội tà dâm một chút thôi! Vì thế, cần phải đặt nặng chuyện giới dâm.

* Chẳng nói dối là lời lẽ phải đáng tin, chẳng dối trá thốt ra. Nếu thấy nói chẳng thấy, chẳng thấy nói thấy, lấy hư làm thật, lấy có làm không. Phạm hết thấy những chuyện dối trá, quyến rũ, ẩn giấu, bịp bợm, thêu dệt, tâm miệng chẳng xứng nhau, muốn lừa dối người thì đều là “nói dối” cả.

Lại nếu mình chưa đoạn hoặc mà bảo đã đoạn hoặc, chưa chứng đạo mà bảo đã chứng đạo thì là đại vọng ngữ. Tội ấy rất nặng vì hoại loạn Phật pháp, khiến chúng sanh ngờ vực, lầm lạc, chết đi chắc chắn vào

địa ngục, vĩnh viễn không có ngày ra. Vì cần phải chú trọng giới vọng ngữ.

Bốn điều kể trên gọi là Tánh Giới vì do thể tánh của chúng mà thành. Chẳng luận là xuất gia hay tại gia, thọ giới hay không, hễ phạm phải đều có tội lỗi. Kẻ chưa thọ giới, căn cứ trên sự mà luận tội. Người đã thọ giới, ngoài việc căn cứ trên sự luận tội ra, còn phạm thêm tội phạm giới. Vì thế, bốn điều sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ này, hết thấy ai cũng chẳng được phạm. Đã thọ giới mà còn phạm sẽ mắc cả hai trọng tội.

* Chẳng uống rượu là vì rượu có thể làm mê loạn nhân tánh, hoại giống trí huệ. Uống vào, rượu làm cho con người điên đảo, hôn cuồng, làm càn những chuyện trái lẽ. Vì thế, hễ là người tu hành tuyệt chẳng cho phép uống. Cần biết rằng: hết thấy vọng niệm, tà hạnh phần nhiều là do uống rượu mà nên nổi. Vì thế, cần phải chú trọng thêm chuyện giới tử. Đây là Già Giới (giới ngăn ngừa). Đã thọ giới mà uống rượu thì phạm, chưa thọ thì không tội.

Nhưng nói chung, cứ không uống là tốt. Bởi lẽ, có tội hay không tội là do có thọ giới hay không thọ giới mà thành sai khác, nhưng nó là một trong những cội rễ của các tội lỗi. Còn như uống rượu tạo thành tai họa, đến nổi bệnh tật, rút ngắn tuổi thọ, chết yểu, không con chẳng cần phải nói nữa!

Còn về Thập Thiện cũng phải nên giữ gìn cẩn thận. Thập Thiện là chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm; đây là ba nghiệp của thân.

Chẳng nói dối, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói đôi chiều, chẳng ác khẩu là bốn nghiệp của miệng. Chẳng keo tham, chẳng nóng giận, chẳng tà kiến là ba nghiệp của ý. Nếu giữ được chẳng phạm thì gọi là Thập Thiện. Nếu phạm chẳng giữ thì gọi là Thập Ác.

Thập Ác chia ra làm thượng, trung, hạ, chiêu cảm thân trong ba ác đạo: địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Thập Thiện cũng chia thành thượng, trung, hạ, chiêu cảm thân trong ba đường lành: trời, người, a tu la. Nhân lành cảm quả lành, nhân ác cảm quả ác. Tự làm tự chịu, lý đã tất nhiên, quyết chẳng sai sót mảy may.

Thập Thiện bao gồm hết thấy thiện pháp. Nếu có thể tuân hành thì không điều ác nào chẳng đoạn, không điều thiện nào chẳng tu. Các vị đã quy y, thọ giới, hãy nên tận lực tuân hành, lại còn phải nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, chẳng được coi thường. Nếu chẳng tận lực hành trì, kịp đến khi lâm chung mới biết là trọng yếu thì nghiệp phong đã thối, chẳng thể tự chủ, dẫu hối cũng chẳng kịp nữa!

Người học Phật đã hiểu rõ ý nghĩa Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện rồi thì hãy hết sức ngăn tà, giữ lòng thành, gìn giữ nhân luân, trọn hết bốn phận, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Điều cần phải chú ý nhất là làm bất cứ việc gì, đều phải dựa vào thiên lý lương tâm. Chẳng hạn như làm nghề y mà có thiên lương, cứu người nguy cấp sẽ tích lũy âm công lớn lao. Kẻ không thiên lương thì hoặc là khiến người bệnh nhẹ thành nặng, thừa nước đục thả câu, táng tận lương tâm, quyết định lãnh ác quả.

Hiếu liêm Tào Cẩm Đào ở Tô Châu đời Thanh giỏi y thuật, bất cứ bệnh ngặt nghèo nào, gặp tay ông đều khỏi. Một bữa, ngay lúc ông sắp ra khỏi cửa, có một người đàn bà nghèo quỳ ngoài cửa, khóc lóc xin ông chữa bệnh cho mẹ chồng, than: “Gia đạo bản hàn, khó lòng mời thầy thuốc khác được, nghe Ngài sẵn lòng từ bi, nhất định sẽ đoái hoài đến trị”. Ông Tào liền đến trị.

Đến lúc ông ra về, dưới gối mẹ chồng người đàn bà nghèo có năm lạng bạc trắng, chẳng biết đi đâu mất, tưởng ông Tào lấy đi, bèn đến nhà hỏi. Ông Tào bèn cứ đúng số trao cho. Đến khi bà về đến nhà, mẹ chồng đã tìm lại được bạc. Người đàn bà then hồ vô cùng, lại đem bạc đến trả lại, tạ tội, hỏi ông: “Sao Ngài lại tự vu mình có trộm bạc?” Ông Tào bảo: “Tôi chỉ muốn mẹ chồng bà chóng khỏi thôi! Nếu tôi chẳng nhận, mẹ chồng bà sẽ lo buồn bệnh thêm hoặc khó trị hơn! Vì thế, tôi chỉ muốn mẹ chồng bà lành bệnh, chẳng sợ người ta bảo tôi trộm bạc”. Tấm lòng ông trung hậu, có thể nói là không ai hơn nổi.

Bởi thế, ông sanh được ba người con: Con trưởng làm ngự y, thọ hơn tám mươi tuổi, cửa nhà đại phú; con thứ bổ chức Hàn Lâm, làm quan đến chức Phiên Đài; con thứ ba cũng làm Hàn Lâm, bác thông Kinh sử, chuyên chí trứ thuật. Cháu chắt đông đảo, nhiều người hiền đạt. Còn những kẻ chỉ mưu kiếm lợi bằng nghề y, tôi chẳng cần phải nói đến, ai có mắt đều thấy cả.

Kinh Dịch chép: “Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương” (Nhà tích thiện, niềm vui có thừa; nhà tích

ác, ương họa có thừa), ý nói: dư khánh, dư ương báo ứng vào con cháu. Còn bồn khánh, bồn ương vận vào chính thân mình. Dư khánh, dư ương người khác thấy được, còn bồn khánh, bồn ương sẽ hoặc là phải chịu ngay trong đời này hay phải lãnh thọ trong thân sau, người đời chẳng thấy hết được. Thiên, địa, quỷ thần, Phật, Bồ Tát đều thấy hay từng sự rõ ràng. Phải biết là bồn khánh, bồn ương so với dư khánh, dư ương lớn gấp cả mười, trăm, ngàn, vạn lần. Vì thế, xin người đời hãy nỗ lực tu trì, để được sự vui, trừ ương họa vậy.

Ông Tào cam chịu tiếng “trộm cắp” để cứu tánh mạng người khác, thiện báo ứng vào con cháu. Nếu ông có thể niệm Phật, cầu thoát tam giới, lại dạy con cháu ăn chay, niệm Phật thì thiện báo sẽ là Tây Phương, phước lại càng lớn.

Các vị đã Quy Y thì phải nên cung kính thọ Tam Quy, lấy việc liễu thoát sanh tử làm gốc, trì Ngũ Giới cẩn thận để làm nền tảng cho việc đoạn ác, tu thiện. Phụng hành Thập Thiện để làm gốc cho việc thanh tịnh ba nghiệp Thân, Khẩu, Ý. Bởi đó, các ác đều trừ, tận lực làm các điều lành, tam nghiệp đã tịnh, lại còn tuân tu đạo phẩm, liễu sanh thoát tử, được dự vào Liên Trì thắng hội.

Cần biết rằng: Thiện ác nhân quả như bóng theo hình, chẳng làm một má. Thật sự làm vậy sẽ được lợi ích thật sự. Nếu mua danh hám tiếng, thích nói điêu ngoa, lừa mình, dối người, tự bảo đã đắc Phật đạo thì là đại vọng ngữ, ắt sẽ thọ ác báo. Nói chung, người tu hành tâm địa cần phải quang minh, ba nghiệp thanh tịnh, công đức

tự được vô lượng. Quán Kinh dạy: “Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp là chánh nhân tịnh nghiệp của tam thế chư Phật” thật là thiết yếu chớ quên. Buông dao đồ tể, lập địa thành Phật, đã có người làm được như thế. Xin ai nấy hãy gắng lên.

(Bửu Quang tự đệ tử Liên Hương dịch xong ngày 29 tháng 04 năm 2003)